

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KKHT HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (CƠ SỞ ĐÀO TẠO HÀ NỘI)**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày /6/2026 của Giám đốc Học viện)

Thứ tự	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	DRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành	
<b>Công nghệ thông tin</b>													
1	1	B22DCCN489	Lê Cao Ngọc Linh	D22HTTT05	3,77		3,77	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
2	2	B22DCCN165	Nguyễn Bá Dương	D22HTTT05	3,70		3,70	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
3	3	B22DCCN187	Lại Quốc Đạt	D22CNPM04	3,48	0,2	3,68	90	X.sắc	Xuất sắc	18.810,00	2022	CNTT-CNPM
4	4	B22DCCN627	Lê Trung Phúc	D22HTTT02	3,68		3,68	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
5	5	B22DCCN034	Nguyễn Thị Tú Anh	D22CNPM05	3,57	0,1	3,67	96	X.sắc	Xuất sắc	18.810,00	2022	CNTT-CNPM
6	6	B22DCCN109	Tạ Quang Chiến	D22HTTT01	3,67		3,67	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
7	7	B22DCCN834	Nguyễn Thế Thịnh	D22CNPM03	3,66		3,66	94	X.sắc	Xuất sắc	18.810,00	2022	CNTT-CNPM
8	8	B22DCCN041	Phạm Thị Minh Anh	D22HTTT03	3,65		3,65	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
9	9	B22DCCN805	Vương Thu Thảo	D22CNPM01	3,63		3,63	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
10	10	B22DCCN090	Nguyễn Thành Công	D22HTTT04	3,63		3,63	86	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
11	11	B22DCCN873	Nguyễn Thành Trung	D22HTTT05	3,61		3,61	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
12	12	B22DCCN890	Đoàn Thảo Vân	D22CNPM02	3,59		3,59	91	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
13	13	B22DCCN795	Nguyễn Nhật Thành	D22CNPM02	3,47	0,1	3,57	86	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
14	14	B22DCCN918	Tạ Trường Vũ	D22CNPM03	3,56		3,56	91	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
15	15	B22DCCN025	Nguyễn Duy Anh	D22CNPM01	3,45	0,1	3,55	87	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
16	16	B22DCCN768	Nguyễn Sơn Tùng	D22HTTT06	3,55		3,55	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
17	17	B22DCCN540	Nguyễn Thị Minh	D22CNPM06	3,53		3,53	95	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
18	18	B22DCCN329	Phan Văn Hoàn	D22HTTT03	3,51		3,51	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
19	19	B22DCCN516	Nguyễn Tuyết Mai	D22HTTT06	3,51		3,51	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
20	20	B22DCCN289	Nguyễn Thị Hiền	D22CNPM01	3,50		3,50	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
21	21	B22DCCN295	Lê Đình Hiệp	D22CNPM04	3,50		3,50	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
22	22	B22DCCN889	Vũ Thế Văn	D22CNPM01	3,29	0,2	3,49	94	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
23	23	B22DCCN089	Nguyễn Sỹ	Công	D22CNPM03	3,48		3,48	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
24	24	B22DCCN693	Ngô Đức	Son	D22CNPM05	3,33	0,15	3,48	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
25	25	B22DCCN326	Ngô Xuân	Hòa	D22CNPM01	3,37	0,1	3,47	92	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
26	26	B22DCCN782	Nguyễn Trần Minh	Thái	D22CNPM01	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
27	27	B22DCCN702	Bùi Thái	Sỹ	D22HTTT04	3,45		3,45	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
28	28	B22DCCN317	Phạm Minh	Hiếu	D22HTTT03	3,44		3,44	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
29	29	B22DCCN652	Phạm Hồng	Quang	D22HTTT02	3,43		3,43	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
30	30	B22DCCN823	Lê Đức	Thiện	D22HTTT04	3,42		3,42	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
31	31	B22DCCN095	Ngô Quang	Cường	D22CNPM06	3,40		3,40	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
32	32	B22DCCN243	Phạm Văn	Đức	D22CNPM02	3,38		3,38	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
33	33	B22DCCN884	Nguyễn Khắc	Trương	D22CNPM04	3,38		3,38	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
34	34	B22DCCN434	Vũ Nhân	Kiên	D22CNPM01	3,37		3,37	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
35	35	B22DCCN252	Nguyễn Văn	Giáp	D22HTTT06	3,37		3,37	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
36	36	B22DCCN692	Lê Hồng	Son	D22CNPM04	3,35		3,35	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
37	37	B22DCCN468	Vũ Trọng	Khôi	D22CNPM06	3,35		3,35	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
38	38	B22DCCN613	Đỗ Gia	Phong	D22CNPM01	3,34		3,34	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
39	39	B22DCCN637	Nguyễn Thị Thu	Phương	D22CNPM01	3,34		3,34	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
40	40	B22DCCN806	Phan Thị Hồng	Thắm	D22CNPM01	3,34		3,34	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
41	41	B22DCCN659	Đỗ Đàm	Quân	D22CNPM06	3,34		3,34	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
42	42	B22DCCN139	Trần Đức	Dũng	D22HTTT04	3,34		3,34	90	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
43	43	B22DCCN417	Nguyễn Võ	Hung	D22CNPM05	3,22	0,1	3,32	80	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
44	44	B22DCCN073	Bùi Công	Bắc	D22CNPM01	3,32		3,32	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
45	45	B22DCCN288	Nguyễn Thị	Hiền	D22CNPM06	3,32		3,32	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
46	46	B22DCCN541	Ong Thế	Minh	D22CNPM01	3,31		3,31	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
47	47	B22DCCN928	Nguyễn Thị	Yến	D22CNPM02	3,31		3,31	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
48	48	B22DCCN145	Đào Đức	Duy	D22CNPM01	3,29		3,29	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
49	49	B21DCCN561	Nguyễn Thị	Nga	D22HTTT05	3,29		3,29	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
50	50	B22DCCN056	Trịnh Lê Xuân	Bách	D22HTTT04	3,18	0,1	3,28	89	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
51	51	B22DCCN786	Nguyễn Mai	Thanh	D22CNPM03	3,27		3,27	86	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
52	52	B22DCCN344	Phạm Như	Hoàng	D22CNPM04	3,27		3,27	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
53	53	B22DCCN801	Vũ Đức	Thành	D22CNPM05	3,27		3,27	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
54	54	B22DCCN444	Đặng Quốc	Khánh	D22CNPM06	3,27		3,27	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
55	55	B22DCCN383	Lô Minh	Huy	D22CNPM06	3,16	0,1	3,26	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
56	56	B22DCCN169	Phạm Hải	Dương	D22CNPM01	3,26		3,26	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
57	57	B22DCCN589	Hoàng Cao	Nguyên	D22CNPM01	3,26		3,26	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
58	58	B22DCCN195	Nguyễn Đức	Đạt	D22CNPM02	3,26		3,26	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
59	59	B22DCCN379	Đặng Hải	Huy	D22CNPM04	3,25		3,25	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
60	60	B22DCCN745	Nguyễn Anh	Tú	D22HTTT01	3,25		3,25	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
61	61	B22DCCN892	Nguyễn Thị Khánh	Vân	D22CNPM02	3,24		3,24	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
62	62	B22DCCN300	Bùi Ngọc	Hiếu	D22CNPM06	3,24		3,24	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-CNPM
63	63	B22DCCN584	Tạ Kim	Ngân	D22HTTT04	3,24		3,24	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CNTT-HTTT
64	64	B23DCCN094	Nguyễn Quang	Chiến	D23CQC�N10-B	3,95	0,15	4,00	100	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
65	65	B23DCCN341	Nguyễn Văn	Hoàng	D23CQC�N05-B	3,80		3,80	97	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
66	66	B23DCCN027	Lê Minh	Anh	D23CQC�N13-B	3,75		3,75	97	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
67	67	B23DCCN909	Nguyễn Trung	Tường	D23CQC�N13-B	3,75		3,75	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
68	68	B23DCCN510	Trần Hải	Long	D23CQC�N06-B	3,65	0,1	3,75	100	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
69	69	B23DCCN381	Đình Việt	Huy	D23CQC�N03-B	3,74		3,74	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
70	70	B23DCCN775	Phan Tiến	Thành	D23CQC�N05-B	3,74		3,74	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
71	71	B23DCCN359	Nguyễn Chí	Hùng	D23CQC�N09-B	3,74		3,74	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
72	72	B23DCCN418	Nguyễn Mạnh	Kha	D23CQC�N12-B	3,74		3,74	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
73	73	B23DCCN894	Vũ Anh	Tuấn	D23CQC�N12-B	3,74		3,74	92	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
74	74	B23DCCN862	Nguyễn Vinh	Trung	D23CQC�N08-B	3,69		3,69	91	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
75	75	B23DCCN602	Nguyễn Trung	Nghĩa	D23CQC�N14-B	3,67		3,67	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
76	76	B23DCCN412	Vũ Quang	Huy	D23CQC�N06-B	3,65		3,65	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
77	77	B23DCCN818	Lê Xuân	Tiến	D23CQC�N06-B	3,65		3,65	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
78	78	B23DCCN932	Lương Duy	Vinh	D23CQC�N08-B	3,65		3,65	92	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
79	79	B23DCCN579	Lê Minh	Nam	D23CQC�N05-B	3,62		3,62	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT
80	80	B23DCCN709	Đỗ Xuân	Sang	D23CQC�N09-B	3,62		3,62	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
81	81	B23DCCN833	Nguyễn Trọng	Toàn	D23CQC�07-B	3,49	0,1	3,59	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
82	82	B23DCCN144	Nguyễn Xuân	Đạt	D23CQC�04-B	3,59		3,59	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
83	83	B23DCCN929	Hoàng Xuân	Vinh	D23CQC�05-B	3,59		3,59	89	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
84	84	B23DCCN395	Nguyễn Hữu	Huy	D23CQC�03-B	3,58		3,58	81	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
85	85	B23DCCN104	Phạm Đức	Cửa	D23CQC�06-B	3,45	0,1	3,55	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
86	86	B23DCCN079	Nguyễn Văn Gia	Bảo	D23CQC�09-B	3,55		3,55	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
87	87	B23DCCN689	Mã Dy	Quang	D23CQC�03-B	3,54		3,54	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
88	88	B23DCCN460	Lê Đức	Kiên	D23CQC�12-B	3,54		3,54	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
89	89	B23DCCN523	Đào Xuân	Mai	D23CQC�05-B	3,44	0,1	3,54	92	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
90	90	B23DCCN730	Nguyễn Hữu Anh	Tài	D23CQC�02-B	3,52		3,52	98	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
91	91	B23DCCN921	Phạm Hoàng	Việt	D23CQC�11-B	3,52		3,52	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
92	92	B23DCCN321	Nguyễn Thị Thu	Hoài	D23CQC�13-B	3,52		3,52	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
93	93	B23DCCN269	Doãn Đình	Hải	D23CQC�03-B	3,32	0,2	3,52	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
94	94	B23DCCN298	Đào Trung	Hiếu	D23CQC�04-B	3,48		3,48	81	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
95	95	B23DCCN768	Lăng Viết	Thành	D23CQC�12-B	3,48		3,48	81	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
96	96	B23DCCN480	Trần Quang	Lâm	D23CQC�04-B	3,47		3,47	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
97	97	B23DCCN667	Trần Đỗ Lan	Phương	D23CQC�09-B	3,37	0,1	3,47	89	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
98	98	B23DCCN683	Phạm Minh	Quân	D23CQC�11-B	3,46		3,46	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT
99	99	B24DCCN119	Nguyễn Tiến	Đạt	D24CQC�09-B	3,88		3,88	92	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
100	100	B24DCCN185	Trương Hải	Hà	D24CQC�09-B	3,85		3,85	89	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
101	101	B24DCCN130	Nguyễn Phương	Đông	D24CQC�09-B	3,81		3,81	95	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
102	102	B24DCCN200	Nguyễn Xuân	Hiệp	D24CQC�02-B	3,79		3,79	89	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
103	103	B24DCCN600	Trần Anh	Tuấn	D24CQC�06-B	3,78		3,78	93	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
104	104	B24DCCN425	Hoàng Thế	Ngọc	D24CQC�07-B	3,78		3,78	95	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
105	105	B24DCCN520	Ngô Phùng Chiến	Thắng	D24CQC�03-B	3,77		3,77	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
106	106	B24DCCN037	Nguyễn Văn Nhật	Anh	D24CQC�04-B	3,77		3,77	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
107	107	B24DCCN072	Dương Văn	Chiến	D24CQC�06-B	3,77		3,77	95	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
108	108	B24DCCN613	Nguyễn Đức	Việt	D24CQC�08-B	3,76		3,76	93	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
109	109	B24DCCN624	Đỗ Huy	Vũ	D24CQC�08-B	3,65	0,1	3,75	100	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
110	110	B24DCCN205	Đỗ Trung	Hiếu	D24CQC�07-B	3,73		3,73	93	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
111	111	B24DCCN370	Nguyễn Tú Thiên	Long	D24CQC�07-B	3,72		3,72	93	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
112	112	B24DCCN194	Nguyễn Anh	Hào	D24CQC�07-B	3,62	0,1	3,72	92	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
113	113	B24DCCN167	Bùi Quốc	Duy	D24CQC�02-B	3,70		3,70	91	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
114	114	B24DCCN457	Doãn Thanh	Phương	D24CQC�06-B	3,70		3,70	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
115	115	B24DCCN227	Lê Văn	Hoàn	D24CQC�07-B	3,70		3,70	87	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
116	116	B24DCCN052	Phạm Hoàng	Ánh	D24CQC�08-B	3,70		3,70	83	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
117	117	B24DCCN209	Lê Minh	Hiếu	D24CQC�11-B	3,70		3,70	83	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
118	118	B24DCCN616	Tổng Văn	Việt	D24CQC�11-B	3,70		3,70	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
119	119	B24DCCN598	Nguyễn Minh	Tuấn	D24CQC�04-B	3,68		3,68	100	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
120	120	B24DCCN105	Đặng Minh	Đạt	D24CQC�06-B	3,66		3,66	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
121	121	B24DCCN152	Hoàng Tiến	Dũng	D24CQC�09-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
122	122	B24DCCN267	Thiều Đình	Hung	D24CQC�03-B	3,62		3,62	84	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
123	123	B24DCCN456	Hoàng Quý	Phước	D24CQC�05-B	3,62		3,62	96	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
124	124	B24DCCN085	Nguyễn Tiến	Cường	D24CQC�08-B	3,62		3,62	90	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
125	125	B24DCCN345	Hoàng Thị Ngọc	Linh	D24CQC�04-B	3,50	0,1	3,60	93	X.sắc	Xuất sắc	20.604,00	2024	CNTT
126	126	B24DCCN475	Nguyễn Minh	Quang	D24CQC�02-B	3,49	0,1	3,59	96	X.sắc	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
127	127	B24DCCN377	Trần Ngọc	Mai	D24CQC�03-B	3,59		3,59	94	X.sắc	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
128	128	B24DCCN529	Hoàng Văn	Thành	D24CQC�01-B	3,58		3,58	83	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
129	129	B24DCCN073	Phạm Hữu	Chiến	D24CQC�07-B	3,58		3,58	90	X.sắc	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
130	130	B24DCCN480	Tạ Minh	Quang	D24CQC�07-B	3,58		3,58	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
131	131	B24DCCN558	Nguyễn Đức	Toàn	D24CQC�08-B	3,58		3,58	82	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
132	132	B24DCCN427	Nguyễn Bá Đức	Nhân	D24CQC�09-B	3,58		3,58	85	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
133	133	B24DCCN518	Hoàng Quang	Thắng	D24CQC�01-B	3,57		3,57	86	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
134	134	B24DCCN393	Nguyễn Anh	Minh	D24CQC�08-B	3,45	0,1	3,55	95	X.sắc	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
135	135	B24DCCN134	Lê Anh	Đức	D24CQC�02-B	3,54		3,54	82	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
136	136	B24DCCN051	Bùi Minh	Ánh	D24CQC�07-B	3,54		3,54	87	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
137	137	B24DCCN484	Nguyễn Minh	Quyền	D24CQC�11-B	3,54		3,54	82	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT
138	138	B24DCCN140	Nguyễn Minh	Đức	D24CQC�08-B	3,53		3,53	85	Tốt	Giỏi	18.887,00	2024	CNTT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
139	139	B25DCCN256	Đàm Thuận	Khải	D25CQC�03-B	3,94		3,94	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
140	140	B25DCCN518	Đặng Đăng	Tuấn	D25CQC�01-B	3,83		3,83	93	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT
141	141	B25DCCN560	Nguyễn Hữu	Vũ	D25CQC�10-B	3,83		3,83	91	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT
142	142	B25DCCN286	Trần Đức	Lâm	D25CQC�11-B	3,79		3,79	86	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
143	143	B25DCCN451	Đinh Minh	Thành	D25CQC�11-B	3,79		3,79	85	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
144	144	B25DCCN452	Giáp Hoàng	Thái	D25CQC�01-B	3,74		3,74	85	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
145	145	B25DCCN123	Nguyễn Mạnh	Dũng	D25CQC�02-B	3,72		3,72	95	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT
146	146	B25DCCN539	Lê Quang	Vinh	D25CQC�11-B	3,72		3,72	95	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT
147	147	B25DCCN203	Nguyễn Mạnh	Hà	D25CQC�05-B	3,68		3,68	83	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
148	148	B25DCCN313	Nguyễn Văn	Minh	D25CQC�05-B	3,68		3,68	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
149	149	B25DCCN610	Trần Minh	Đức	D25CQC�05-B	3,68		3,68	90	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT
150	150	B25DCCN305	Nguyễn Khiếu Hoàng	Minh	D25CQC�08-B	3,61		3,61	91	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT
151	151	B25DCCN525	Hoàng Anh	Tú	D25CQC�08-B	3,61		3,61	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
152	152	B25DCCN570	Phạm Minh	Đan	D25CQC�09-B	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
153	153	B25DCCN376	Trần Duy	Phát	D25CQC�02-B	3,57		3,57	95	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
154	154	B25DCCN356	Trần Đình Đăng	Nguyên	D25CQC�04-B	3,57		3,57	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
155	155	B25DCCN108	Nguyễn Đức	Duy	D25CQC�09-B	3,57		3,57	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
156	156	B25DCCN372	Nguyễn Đắc	Phong	D25CQC�09-B	3,57		3,57	95	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
157	157	B25DCCN327	Đặng Vũ	Minh	D25CQC�08-B	3,55		3,55	90	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
158	158	B25DCCN077	Trịnh Đình	Chung	D25CQC�11-B	3,55		3,55	85	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
159	159	B25DCCN521	Đoàn Tuấn	Tài	D25CQC�04-B	3,54		3,54	91	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
160	160	B25DCCN375	Phùng Đình	Phát	D25CQC�01-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
161	161	B25DCCN411	Đổng Minh	Quang	D25CQC�04-B	3,51		3,51	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
162	162	B25DCCN433	Đỗ Thế	Son	D25CQC�04-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
163	163	B25DCCN273	Chu Văn	Long	D25CQC�09-B	3,50		3,50	83	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
164	164	B25DCCN529	Nguyễn Anh	Tú	D25CQC�01-B	3,46		3,46	89	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
165	165	B25DCCN531	Nguyễn Việt	Tú	D25CQC�03-B	3,46		3,46	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
166	166	B25DCCN381	Nguyễn Xuân	Phú	D25CQC�07-B	3,46		3,46	95	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
167	167	B25DCCN516	Đào Mạnh	Tuấn	D25CQC�10-B	3,46		3,46	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
168	168	B25DCCN071	Dương Quỳnh	Chi	D25CQC05-B	3,45		3,45	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
169	169	B25DCCN596	Hoàng Minh	Đức	D25CQC02-B	3,44		3,44	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
170	170	B25DCCN214	Nguyễn Sinh	Hùng	D25CQC05-B	3,44		3,44	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
171	171	B25DCCN352	Lê Thọ	Nguyễn	D25CQC11-B	3,42		3,42	83	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
172	172	B25DCCN068	Nguyễn Hữu	Bắc	D25CQC02-B	3,40		3,40	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
173	173	B25DCCN498	Nguyễn Ngọc	Trọng	D25CQC03-B	3,40		3,40	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
174	174	B25DCCN357	Vũ Hoàng	Nguyễn	D25CQC05-B	3,40		3,40	83	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
175	175	B25DCCN263	Phạm Trung	Kiên	D25CQC10-B	3,40		3,40	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
176	176	B25DCCN198	Vương Gia	Huy	D25CQC11-B	3,40		3,40	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT
<b>Công nghệ thông tin - Chất lượng cao</b>														
177	1	B22DCDT179	Vũ Ngọc	Linh	E22TTNT	3,79		3,79	92	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2022	CNTT CLC - TTNT
178	2	B22DCAT149	Phan Lê	Huy	E22TTNT	3,74		3,74	83	Tốt	Giỏi	25.245,00	2022	CNTT CLC - TTNT
179	3	B22DCCN835	Nguyễn Thiên	Thịnh	E22HTTT	3,70		3,70	90	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2022	CNTT CLC - HTTT
180	4	B22DCVT349	Trần Nhật	Minh	E22TTNT	3,53	0,15	3,68	86	Tốt	Giỏi	25.245,00	2022	CNTT CLC - TTNT
181	5	B22DCDT109	Vũ Minh	Hiền	E22HTTT	3,67		3,67	84	Tốt	Giỏi	25.245,00	2022	CNTT CLC - HTTT
182	6	B22DCAT224	Nguyễn Hữu	Phúc	E22HTTT	3,66		3,66	91	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2022	CNTT CLC - HTTT
183	7	B22DCCN127	Lê Xuân	Dũng	E22TTNT	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	25.245,00	2022	CNTT CLC - TTNT
184	8	B22DCDT114	Nguyễn Chí	Hiếu	E22TTNT	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	25.245,00	2022	CNTT CLC - TTNT
185	9	B22DCVT351	Trần Quang	Minh	E22TTNT	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	25.245,00	2022	CNTT CLC - TTNT
186	10	B22DCVT303	Nguyễn Hải	Lâm	E22TTNT	3,62		3,62	95	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2022	CNTT CLC - TTNT
187	11	B23DCVT218	Đào Văn	Khang	D23CQCE04-B	3,95		3,95	93	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
188	12	B23DCCE030	Nguyễn Minh	Hiếu	D23CQCE06-B	3,42	0,4	3,82	92	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
189	13	B23DCCE075	Chu Tuyết	Nhi	D23CQCE06-B	3,81		3,81	97	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
190	14	B23DCVT037	Vũ Hoàng	Anh	D23CQCE01-B	3,69	0,1	3,79	96	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
191	15	B23DCCE082	Vũ Minh	Sáng	D23CQCE04-B	3,77		3,77	92	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
192	16	B23DCVT311	Đông Đức	Nguyễn	D23CQCE06-B	3,66	0,1	3,76	93	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
193	17	B23DCCN312	Trần Trung	Hiếu	D23CQCE04-B	3,72		3,72	100	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
194	18	B23DCCE081	Lê Như	Quỳnh	D23CQCE06-B	3,72		3,72	90	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
195	19	B23DCVT263	Vũ Ngọc	Lương	D23CQCE05-B	3,68		3,68	90	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
196	20	B23DCCE069	Nguyễn Hải	Nam	D23CQCE06-B	3,68		3,68	85	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
197	21	B23DCCN780	Phan Dạ	Thi	D23CQCE01-B	3,66		3,66	86	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
198	22	B23DCVT363	Nguyễn Vũ	Quang	D23CQCE05-B	3,66		3,66	85	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
199	23	B23DCCE070	Trần Hoàng	Nam	D23CQCE04-B	3,63		3,63	90	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
200	24	B23DCCE027	Vũ Thị Thu	Duyên	D23CQCE06-B	3,47	0,15	3,62	91	X.sắc	Xuất sắc	27.540,00	2023	CNTT CLC
201	25	B23DCAT280	Trần Xuân	Thành	D23CQCE01-B	3,59		3,59	92	X.sắc	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
202	26	B23DCCE036	Vũ Đình	Hiếu	D23CQCE06-B	3,47	0,1	3,57	90	X.sắc	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
203	27	B23DCAT120	Nguyễn Bá	Hùng	D23CQCE01-B	3,45	0,1	3,55	87	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
204	28	B23DCCE005	Mai Anh Tuấn	Anh	D23CQCE05-B	3,54		3,54	84	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
205	29	B23DCVT188	Phạm Quốc	Hùng	D23CQCE04-B	3,44	0,1	3,54	94	X.sắc	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
206	30	B23DCCE067	Trần Vũ Tiến	Minh	D23CQCE04-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
207	31	B23DCCN266	Phạm Thị Thiên	Hà	D23CQCE01-B	3,48		3,48	85	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
208	32	B23DCDT285	Bùi Nguyên Hoàng	Việt	D23CQCE05-B	3,48		3,48	83	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
209	33	B23DCCE059	Đặng Tuấn	Kiệt	D23CQCE05-B	3,45		3,45	85	Tốt	Giỏi	25.245,00	2023	CNTT CLC
210	34	B24DCCE073	Giang Khương	Duy	D24CQCE03-B	4,00		4,00	87	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
211	35	B24DCCE227	Trần Ngọc	Quân	D24CQCE03-B	4,00		4,00	85	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
212	36	B24DCCE291	Trần Quốc	Việt	D24CQCE04-B	4,00		4,00	96	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
213	37	B24DCCE149	Lê Văn	Khoa	D24CQCE02-B	3,90		3,90	91	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
214	38	B24DCCE233	Trần Minh	Quang	D24CQCE02-B	3,90		3,90	86	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
215	39	B24DCCE180	Lê Anh	Minh	D24CQCE05-B	3,90		3,90	96	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
216	40	B24DCCE070	Phan Tùng	Dương	D24CQCE07-B	3,90		3,90	93	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
217	41	B24DCCE071	Trương Đăng	Dương	D24CQCE01-B	3,73	0,1	3,83	93	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
218	42	B24DCCE134	Trịnh Lâm	Huy	D24CQCE01-B	3,80		3,80	84	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
219	43	B24DCCE147	Bùi Anh	Khoa	D24CQCE07-B	3,80		3,80	89	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
220	44	B24DCCE141	Nguyễn Đức Nam	Khánh	D24CQCE01-B	3,73		3,73	84	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
221	45	B24DCCE121	Trần Tiến	Hung	D24CQCE02-B	3,73		3,73	87	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
222	46	B24DCCE115	Nguyễn Tiến	Hùng	D24CQCE03-B	3,73		3,73	86	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
223	47	B24DCCE264	Nguyễn Đình	Tiến	D24CQCE05-B	3,73		3,73	83	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
224	48	B24DCCE292	Vũ Xuân	Vinh	D24CQCE05-B	3,73		3,73	85	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
225	49	B24DCCE097	Nguyễn Hải	Hòa	D24CQCE06-B	3,70		3,70	89	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
226	50	B24DCCE052	Hoàng Xuân	Đức	D24CQCE03-B	3,67		3,67	90	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
227	51	B24DCCE256	Trần Thị Thanh	Thảo	D24CQCE04-B	3,67		3,67	85	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
228	52	B24DCCE263	Dương Xuân	Tiến	D24CQCE04-B	3,67		3,67	86	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
229	53	B24DCCE202	Vũ Tạ Bảo	Ngọc	D24CQCE06-B	3,67		3,67	90	X.sắc	Xuất sắc	28.968,00	2024	CNTT CLC
230	54	B24DCCE236	Dương Kim	Sang	D24CQCE05-B	3,63		3,63	86	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
231	55	B24DCCE169	Dương Khánh	Ly	D24CQCE01-B	3,57		3,57	95	X.sắc	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
232	56	B24DCCE184	Nguyễn Lê	Minh	D24CQCE02-B	3,57		3,57	89	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
233	57	B24DCCE024	Trịnh Phan Hoàng	Anh	D24CQCE03-B	3,57		3,57	85	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
234	58	B24DCCE123	Nguyễn Thị Thanh	Hương	D24CQCE04-B	3,57		3,57	87	Tốt	Giỏi	26.554,00	2024	CNTT CLC
235	59	B25DCCE155	Lương Khánh	Ly	D25CQCE01-B	3,67		3,67	89	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
236	60	B25DCCE179	Phạm Hoàng	Minh	D25CQCE04-B	3,67		3,67	91	X.sắc	Xuất sắc	29.988,00	2025	CNTT CLC
237	61	B25DCCE232	Ngô Ngọc	Son	D25CQCE01-B	3,59		3,59	89	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
238	62	B25DCCE219	Ngô Hồng	Quân	D25CQCE02-B	3,57		3,57	82	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
239	63	B25DCCE128	Bùi Việt	Kiên	D25CQCE02-B	3,44		3,44	89	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
240	64	B25DCCE065	Nguyễn Trung	Hiếu	D25CQCE02-B	3,40		3,40	73	Khá	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
241	65	B25DCCE170	Nguyễn Quang	Minh	D25CQCE02-B	3,40		3,40	81	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
242	66	B25DCCE153	Trần Văn	Long	D25CQCE06-B	3,40		3,40	72	Khá	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
243	67	B25DCCE103	Phạm Ngọc	Hải	D25CQCE05-B	3,35		3,35	85	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
244	68	B25DCCE122	Đặng Gia	Khánh	D25CQCE03-B	3,33		3,33	86	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
245	69	B25DCCE246	Hoàng Đức	Tiến	D25CQCE01-B	3,32		3,32	85	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
246	70	B25DCCE238	Vũ Công	Thành	D25CQCE07-B	3,30		3,30	87	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
247	71	B25DCCE196	Trần Đại	Nghĩa	D25CQCE07-B	3,18	0,1	3,28	93	X.sắc	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
248	72	B25DCCE052	Trần Mạnh	Dũng	D25CQCE03-B	3,26		3,26	92	X.sắc	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
249	73	B25DCCE242	Quách Thanh	Thảo	D25CQCE04-B	3,26		3,26	81	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
250	74	B25DCCE266	Nguyễn Anh	Tuấn	D25CQCE07-B	3,26		3,26	86	Tốt	Giỏi	27.489,00	2025	CNTT CLC
251	75	B25DCCE129	Hoàng Trung	Kiên	D25CQCE03-B	3,18		3,18	82	Tốt	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
252	76	B25DCCE029	Nguyễn Gia	Bảo	D25CQCE01-B	3,17		3,17	93	X.sắc	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
253	77	B25DCCE028	Nguyễn Gia	Bảo	D25CQCE07-B	3,16		3,16	74	Khá	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
254	78	B25DCCE190	Nguyễn Hoàn Hải	Nam	D25CQCE01-B	3,15		3,15	89	Tốt	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
255	79	B25DCCE163	Lê Thị Ngọc	Mai	D25CQCE02-B	3,12		3,12	82	Tốt	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
256	80	B25DCCE149	Hà Bảo	Long	D25CQCE02-B	3,09		3,09	75	Khá	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
257	81	B25DCCE067	Trần Thiện	Hiếu	D25CQCE04-B	3,07		3,07	75	Khá	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
258	82	B25DCCE227	Lê Việt	Sáng	D25CQCE03-B	3,06		3,06	85	Tốt	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
259	83	B25DCCE151	Nguyễn Tiến	Long	D25CQCE04-B	3,06		3,06	87	Tốt	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
260	84	B25DCCE280	Nguyễn Đăng	Vinh	D25CQCE07-B	3,03		3,03	77	Khá	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
261	85	B25DCCE138	Nguyễn Duy Gia	Kiệt	D25CQCE05-B	3,00		3,00	88	Tốt	Khá	24.990,00	2025	CNTT CLC
<b>Công nghệ thông tin - Tài năng</b>														
262	1	B23DCCN477	Bùi Văn	Lâm	D23CTCN01-B	3,61	0,4	4,00	100	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
263	2	B23DCCN264	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	D23CTCN01-B	4,00		4,00	94	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
264	3	B23DCCN165	Bùi Anh	Đức	D23CTCN01-B	3,86	0,1	3,96	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
265	4	B23DCCN516	Nguyễn Văn Minh	Lực	D23CTCN01-B	3,82	0,1	3,92	96	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
266	5	B23DCCN793	Lê Thành	Thông	D23CTCN01-B	3,91		3,91	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
267	6	B23DCCN952	Nguyễn Thị Yên	Vy	D23CTCN01-B	3,89		3,89	94	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
268	7	B23DCCN879	Phạm Văn	Tư	D23CTCN01-B	3,85		3,85	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
269	8	B23DCCN287	Trần Văn	Hậu	D23CTCN01-B	3,74	0,1	3,84	87	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
270	9	B23DCCN600	Nguyễn Duy	Nghĩa	D23CTCN01-B	3,82		3,82	96	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
271	10	B23DCCN832	Nguyễn Minh	Toàn	D23CTCN01-B	3,81		3,81	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
272	11	B23DCCN360	Nguyễn Văn	Hùng	D23CTCN01-B	3,74		3,74	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
273	12	B23DCCN861	Nguyễn Thành	Trung	D23CTCN01-B	3,74		3,74	96	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
274	13	B23DCCN070	Đình Gia	Bảo	D23CTCN01-B	3,71		3,71	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
275	14	B23DCCN447	Phan Văn	Khôi	D23CTCN01-B	3,61	0,1	3,71	96	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
276	15	B23DCCN756	Phạm Hữu	Thắng	D23CTCN01-B	3,68		3,68	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
277	16	B23DCCN198	Dương Trí	Dũng	D23CTCN01-B	3,56	0,1	3,66	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
278	17	B23DCCN489	Văn Thị Mai	Linh	D23CTCN01-B	3,56	0,1	3,66	98	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
279	18	B23DCCN663	Lê Minh	Phương	D23CTCN01-B	3,65		3,65	91	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
280	19	B23DCCN922	Phan Văn Hoàng	Việt	D23CTCN01-B	3,65		3,65	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CNTT-TN
281	20	B23DCCN299	Giáp Minh	Hiếu	D23CTCN01-B	3,53	0,1	3,63	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
282	21	B23DCCN277	Nguyễn Nam	Hải	D23CTCN01-B	3,46	0,1	3,56	92	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
283	22	B23DCCN053	Triệu Tuấn	Anh	D23CTCN01-B	3,54		3,54	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
284	23	B23DCCN465	Nguyễn Tự	Kiên	D23CTCN01-B	3,43	0,1	3,53	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
285	24	B23DCCN822	Phạm Bá	Tiến	D23CTCN01-B	3,51		3,51	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
286	25	B23DCCN850	Trần Văn	Trọng	D23CTCN01-B	3,51		3,51	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
287	26	B23DCCN136	Nguyễn Thành	Đạt	D23CTCN01-B	3,39	0,1	3,49	92	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
288	27	B23DCCN237	Hoàng Đình	Duy	D23CTCN01-B	3,47		3,47	87	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
289	28	B23DCCN433	Trần Văn	Khánh	D23CTCN01-B	3,37	0,1	3,47	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CNTT-TN
290	29	B24DCCN229	Nguyễn Viết	Hoàn	D24CTCN01-B	3,91		3,91	94	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
291	30	B24DCCN041	Phạm Hoàng	Anh	D24CTCN01-B	3,84		3,84	85	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CNTT-TN
292	31	B24DCCN545	Nguyễn Khắc	Thịnh	D24CTCN01-B	3,72	0,1	3,82	100	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
293	32	B24DCCN281	Nguyễn Quang	Huy	D24CTCN01-B	3,78		3,78	91	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
294	33	B24DCCN607	Đặng Nguyễn Hồng	Vân	D24CTCN01-B	3,73		3,73	90	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
295	34	B24DCCN386	Thái Duy	Mạnh	D24CTCN01-B	3,71		3,71	93	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
296	35	B24DCCN539	Vũ Viết	Thành	D24CTCN01-B	3,69		3,69	96	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
297	36	B24DCCN260	Nguyễn Gia	Hưng	D24CTCN01-B	3,66		3,66	95	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
298	37	B24DCCN046	Trần Đức Việt	Anh	D24CTCN01-B	3,65		3,65	92	X.sắc	Xuất sắc	24.240,00	2024	CNTT-TN
299	38	B24DCCN330	Nguyễn Đức Hoàng	Kiên	D24CTCN01-B	3,62		3,62	84	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CNTT-TN
300	39	B24DCCN478	Nguyễn Văn	Quang	D24CTCN01-B	3,59		3,59	91	X.sắc	Giỏi	22.220,00	2024	CNTT-TN
301	40	B24DCCN193	Phạm Minh	Hằng	D24CTCN01-B	3,43	0,1	3,53	91	X.sắc	Giỏi	22.220,00	2024	CNTT-TN
302	41	B24DCCN223	Nguyễn Bá	Hiệu	D24CTCN01-B	3,53		3,53	90	X.sắc	Giỏi	22.220,00	2024	CNTT-TN
303	42	B25DCCN595	Hoàng Minh	Đức	D25CTCN01-B	3,74	0,3	4,00	93	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
304	43	B25DCCN559	Nguyễn Anh	Vũ	D25CTCN01-B	3,61	0,3	3,91	93	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
305	44	B25DCCN546	Tạ Thế	Vinh	D25CTCN01-B	3,51	0,4	3,91	94	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
306	45	B25DCCN344	Ninh Đức	Nam	D25CTCN01-B	3,57	0,3	3,87	91	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
307	46	B25DCCN614	Đặng Minh	Đức	D25CTCN01-B	3,79		3,79	91	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
308	47	B25DCCN501	Đỗ Thành	Trọng	D25CTCN01-B	3,71		3,71	96	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
309	48	B25DCCN073	Đặng Mai	Chi	D25CTCN01-B	3,68		3,68	90	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN
310	49	B25DCCN366	Bùi Phan Minh	Nhật	D25CTCN01-B	3,68		3,68	97	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CNTT-TN

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
311	50	B25DCCN210	Nguyễn Văn	Hòa	D25CTCN01-B	3,61		3,61	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT-TN
312	51	B25DCCN202	Lưu Nam	Hà	D25CTCN01-B	3,57		3,57	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT-TN
313	52	B25DCCN505	Bùi Huy	Tuấn	D25CTCN01-B	3,57		3,57	91	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT-TN
314	53	B25DCCN609	Nguyễn Văn	Đức	D25CTCN01-B	3,57		3,57	89	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT-TN
315	54	B25DCCN283	Nguyễn Quang	Lâm	D25CTCN01-B	3,51		3,51	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT-TN
316	55	B25DCCN045	Trần Lê Tuấn	Anh	D25CTCN01-B	3,46		3,46	86	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CNTT-TN
<b>Cử nhân Công nghệ thông tin (CNTT định hướng ứng dụng)</b>														
317	1	B23DCCC030	Trương Minh	Danh	D23CQCC02-B	3,81	0,2	4,00	92	X.sắc	Xuất sắc	20.160,00	2023	CNTT-UD
318	2	B23DCCC109	Đỗ Văn	Minh	D23CQCC01-B	3,89		3,89	86	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
319	3	B23DCCC014	Phạm Đức	Anh	D23CQCC02-B	3,81		3,81	93	X.sắc	Xuất sắc	20.160,00	2023	CNTT-UD
320	4	B23DCCC121	Nguyễn Hữu	Nam	D23CQCC01-B	3,69		3,69	91	X.sắc	Xuất sắc	20.160,00	2023	CNTT-UD
321	5	B23DCCC055	Nguyễn Trường	Giang	D23CQCC03-B	3,69		3,69	90	X.sắc	Xuất sắc	20.160,00	2023	CNTT-UD
322	6	B23DCCC140	Nguyễn Minh	Quang	D23CQCC04-B	3,47	0,2	3,67	84	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
323	7	B23DCCC023	Đoàn Ngọc	Chung	D23CQCC03-B	3,53	0,1	3,63	92	X.sắc	Xuất sắc	20.160,00	2023	CNTT-UD
324	8	B23DCCC021	Lê Hữu	Chính	D23CQCC01-B	3,62		3,62	89	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
325	9	B23DCCC006	Đỗ Thị Phương	Anh	D23CQCC02-B	3,61		3,61	85	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
326	10	B23DCCC032	Nguyễn Đình	Đạt	D23CQCC04-B	3,50	0,1	3,60	86	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
327	11	B23DCCC113	Trần Tuấn	Minh	D23CQCC01-B	3,40	0,2	3,60	91	X.sắc	Xuất sắc	20.160,00	2023	CNTT-UD
328	12	B23DCCC049	Nguyễn Ngọc	Duy	D23CQCC01-B	3,48	0,1	3,58	94	X.sắc	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
329	13	B23DCCC057	Nguyễn Thị	Hà	D23CQCC01-B	3,55		3,55	92	X.sắc	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
330	14	B23DCCC088	Phạm Nhật	Khánh	D23CQCC04-B	3,55		3,55	87	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
331	15	B23DCCC129	Nguyễn Khả	Phong	D23CQCC01-B	3,51		3,51	86	Tốt	Giỏi	18.480,00	2023	CNTT-UD
332	16	B24DCCC058	Phạm Tiến	Đạt	D24CQCC04-B	3,52		3,52	89	Tốt	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
333	17	B24DCCC012	Hoàng Huy	Anh	D24CQCC06-B	3,50		3,50	90	X.sắc	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
334	18	B24DCCC293	Lê Tuấn	Vũ	D24CQCC05-B	3,34	0,1	3,44	97	X.sắc	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
335	19	B24DCCC089	Phùng Đăng	Dương	D24CQCC05-B	3,43		3,43	93	X.sắc	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
336	20	B24DCCC126	Nguyễn Huy	Hoàng	D24CQCC06-B	3,43		3,43	94	X.sắc	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
337	21	B24DCCC073	Trần Lê Minh	Đức	D24CQCC01-B	3,38		3,38	92	X.sắc	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
338	22	B24DCCC094	Nguyễn Tiến	Duy	D24CQCC04-B	3,38		3,38	76	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
339	23	B24DCCC218	Nguyễn Bảo	Ngọc	D24CQCC02-B	3,25		3,25	79	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
340	24	B24DCCC287	Đỗ Sỹ	Việt	D24CQCC05-B	3,25		3,25	88	Tốt	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
341	25	B24DCCC018	Nguyễn Đức	Anh	D24CQCC06-B	3,25		3,25	83	Tốt	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
342	26	B24DCCC156	Bùi Phạm Nam	Khánh	D24CQCC06-B	3,25		3,25	85	Tốt	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
343	27	B24DCCC059	Phan Lê Tiến	Đạt	D24CQCC05-B	3,23		3,23	83	Tốt	Giỏi	19.712,00	2024	CNTT-UD
344	28	B24DCCC236	Lê Thanh	Quảng	D24CQCC02-B	3,18		3,18	82	Tốt	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
345	29	B24DCCC155	Vũ Minh	Khang	D24CQCC05-B	3,10		3,10	82	Tốt	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
346	30	B24DCCC062	Vũ Tiến	Đạt	D24CQCC02-B	3,06		3,06	76	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
347	31	B24DCCC049	Trần Hải	Đăng	D24CQCC01-B	3,04		3,04	76	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
348	32	B24DCCC193	Phạm Công	Mạnh	D24CQCC01-B	3,00		3,00	76	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
349	33	B24DCCC028	Trần Thị Lan	Anh	D24CQCC04-B	3,00		3,00	74	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
350	34	B24DCCC088	Nguyễn Tùng	Dương	D24CQCC04-B	3,00		3,00	80	Tốt	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
351	35	B24DCCC239	Bùi Như	Quỳnh	D24CQCC05-B	3,00		3,00	78	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
352	36	B24DCCC211	Nguyễn Hoài	Nam	D24CQCC01-B	2,97		2,97	73	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
353	37	B24DCCC047	Phạm Hải	Đăng	D24CQCC05-B	2,97		2,97	71	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
354	38	B24DCCC128	Nguyễn Việt	Hoàng	D24CQCC02-B	2,93		2,93	84	Tốt	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
355	39	B24DCCC251	Lê Đình	Thành	D24CQCC05-B	2,93		2,93	72	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
356	40	B24DCCC181	Vũ Thị Diệu	Linh	D24CQCC01-B	2,91		2,91	72	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
357	41	B24DCCC227	Hoàng Đại	Phúc	D24CQCC05-B	2,91		2,91	79	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
358	42	B24DCCC275	Nguyễn Duy	Tư	D24CQCC05-B	2,91		2,91	69	Khá	Khá	17.920,00	2024	CNTT-UD
359	43	B25DCCC049	Nguyễn Toàn	Diện	D25CQCC01-B	3,50		3,50	91	X.sắc	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
360	44	B25DCCC145	Đình Tuấn	Minh	D25CQCC01-B	3,46		3,46	91	X.sắc	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
361	45	B25DCCC136	Phạm Thanh	Mai	D25CQCC04-B	3,34	0,1	3,44	91	X.sắc	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
362	46	B25DCCC037	Nguyễn Quốc	Bảo	D25CQCC01-B	3,41		3,41	92	X.sắc	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
363	47	B25DCCC169	Lê Tuấn	Phong	D25CQCC01-B	3,33		3,33	89	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
364	48	B25DCCC075	Đoàn Minh	Hoàng	D25CQCC03-B	3,33		3,33	69	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
365	49	B25DCCC112	Phùng Hoàng	Khoa	D25CQCC04-B	3,33		3,33	84	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
366	50	B25DCCC148	Nguyễn Tuấn Đức	Mạnh	D25CQCC04-B	3,27		3,27	82	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	CNTT-UD
367	51	B25DCCC007	Vũ Tùng	An	D25CQCC01-B	3,24		3,24	72	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
368	52	B25DCCC152	Nguyễn Thế	Nam	D25CQCC02-B	3,24		3,24	73	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
369	53	B25DCCC124	Lưu Khả	Linh	D25CQCC04-B	3,19		3,19	74	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
370	54	B25DCCC130	Trần Bảo	Long	D25CQCC04-B	3,14		3,14	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
371	55	B25DCCC272	Lưu Huy	Vũ	D25CQCC02-B	2,96	0,1	3,06	85	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
372	56	B25DCCC019	Phạm Ngọc	Anh	D25CQCC01-B	3,05		3,05	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
373	57	B25DCCC104	Nguyễn Hoàng	Hải	D25CQCC02-B	3,05		3,05	80	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
374	58	B25DCCC153	Đỗ Hoài	Nam	D25CQCC03-B	3,05		3,05	84	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
375	59	B25DCCC303	Vũ Lê Minh	Đức	D25CQCC03-B	3,05		3,05	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
376	60	B25DCCC248	Phạm Anh	Tuấn	D25CQCC02-B	3,00		3,00	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
377	61	B25DCCC064	Lê Quang	Dương	D25CQCC04-B	3,00		3,00	80	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
378	62	B25DCCC288	Phạm Thành	Đạt	D25CQCC06-B	3,00		3,00	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
379	63	B25DCCC106	Lê Hùng	Hậu	D25CQCC04-B	2,96		2,96	78	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
380	64	B25DCCC277	Nguyễn Đức	Đông	D25CQCC01-B	2,95		2,95	80	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
381	65	B25DCCC223	Lâm Phúc	Tiến	D25CQCC01-B	2,92		2,92	89	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
382	66	B25DCCC008	Dư Tuấn	Anh	D25CQCC02-B	2,92		2,92	74	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
383	67	B25DCCC238	Đoàn Phúc	Trị	D25CQCC04-B	2,91		2,91	79	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
384	68	B25DCCC301	Nguyễn Đình Lâm	Đức	D25CQCC01-B	2,82		2,82	85	Tốt	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
385	69	B25DCCC046	Nguyễn Duy	Cường	D25CQCC04-B	2,82		2,82	76	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
386	70	B25DCCC293	Hoàng Trung	Đức	D25CQCC05-B	2,82		2,82	75	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
387	71	B25DCCC042	Nguyễn Đình	Chuẩn	D25CQCC06-B	2,82		2,82	74	Khá	Khá	12.540,00	2025	CNTT-UD
<b>Công nghệ thông tin Việt Nhật</b>														
388	1	B24DCVN064	Trần Duy	Mạnh	D24CQVN02-B	3,75		3,75	92	X.sắc	Xuất sắc	25.536,00	2024	CNTT V-N
389	2	B24DCVN108	Nguyễn Sơn	Tùng	D24CQVN02-B	3,67		3,67	83	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
390	3	B24DCVN031	Trần Kim	Hải	D24CQVN01-B	3,63		3,63	86	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
391	4	B24DCVN077	Kiều Bảo	Nhật	D24CQVN01-B	3,61		3,61	85	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
392	5	B24DCVN087	Bùi Hùng	Sơn	D24CQVN01-B	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
393	6	B24DCVN007	Nguyễn Đức	Anh	D24CQVN01-B	3,53		3,53	83	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
394	7	B24DCVN041	Cần Mạnh	Hùng	D24CQVN01-B	3,53		3,53	84	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
395	8	B24DCVN089	Nguyễn Khánh	Sơn	D24CQVN01-B	3,53		3,53	87	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
396	9	B24DCVN053	Đặng Duy	Kiên	D24CQVN01-B	3,51		3,51	81	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
397	10	B24DCVN003	Nguyễn Đức Bảo	An	D24CQVN01-B	3,41		3,41	80	Tốt	Giỏi	23.408,00	2024	CNTT V-N
398	11	B25DCVN080	Trần Thị Minh	Thảo	D25CQVN02-B	3,40		3,40	87	Tốt	Giỏi	18.810,00	2025	CNTT V-N
399	12	B25DCVN043	Phạm Gia	Khiêm	D25CQVN01-B	3,34		3,34	84	Tốt	Giỏi	18.810,00	2025	CNTT V-N
400	13	B25DCVN004	Nguyễn Tuấn	Anh	D25CQVN02-B	3,24		3,24	87	Tốt	Giỏi	18.810,00	2025	CNTT V-N
401	14	B25DCVN062	Nguyễn Phương	Nguyên	D25CQVN02-B	3,24		3,24	92	X.sắc	Giỏi	18.810,00	2025	CNTT V-N
402	15	B25DCVN090	Phùng Quốc	Tuấn	D25CQVN02-B	3,18		3,18	72	Khá	Khá	17.100,00	2025	CNTT V-N
403	16	B25DCVN038	Nguyễn Minh	Hùng	D25CQVN02-B	3,14		3,14	80	Tốt	Khá	17.100,00	2025	CNTT V-N
404	17	B25DCVN058	Nguyễn Văn	Mạnh	D25CQVN02-B	3,00		3,00	71	Khá	Khá	17.100,00	2025	CNTT V-N
405	18	B25DCVN068	Lê Đăng Minh	Nhật	D25CQVN02-B	2,88		2,88	76	Khá	Khá	17.100,00	2025	CNTT V-N
406	19	B25DCVN011	Mai Thế	Bảo	D25CQVN01-B	2,80		2,80	76	Khá	Khá	17.100,00	2025	CNTT V-N
407	20	B25DCVN052	Phạm Dương	Long	D25CQVN02-B	2,80		2,80	81	Tốt	Khá	17.100,00	2025	CNTT V-N
<b>An toàn thông tin</b>														
389	1	B22DCAT034	Trương Quốc	Bảo	D22CQAT02-B	3,54	0,15	3,69	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
390	2	B22DCAT073	Lê Thành	Đạt	D22CQAT01-B	3,52	0,1	3,62	86	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
391	3	B22DCAT238	Nguyễn Văn	Quân	D22CQAT02-B	3,61		3,61	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
392	4	B22DCAT076	Nguyễn Hữu	Đạt	D22CQAT04-B	3,61		3,61	92	X.sắc	Xuất sắc	18.810,00	2022	ATTT
393	5	B22DCAT273	Đỗ Chí	Tùng	D22CQAT01-B	3,53		3,53	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
394	6	B22DCAT063	Lê Tiến	Dương	D22CQAT03-B	3,49		3,49	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
395	7	B22DCAT303	Nguyễn Khắc	Trí	D22CQAT03-B	3,39	0,1	3,49	87	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
396	8	B22DCAT008	Chu Đức	Anh	D22CQAT04-B	3,47		3,47	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
397	9	B22DCAT172	Vũ Thị Mỹ	Lệ	D22CQAT04-B	3,44		3,44	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
398	10	B22DCAT297	Vũ Đức	Thông	D22CQAT01-B	3,31	0,1	3,41	93	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
399	11	B21DCAT046	Phạm Mai	Chi	D22CQAT02-B	3,39		3,39	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
400	12	B22DCAT110	Dương Quang	Hào	D22CQAT02-B	3,24	0,15	3,39	87	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
401	13	B22DCAT255	Phạm Minh	Tâm	D22CQAT03-B	3,38		3,38	86	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
402	14	B22DCAT241	Phạm Thị Lệ	Quyên	D22CQAT01-B	3,37		3,37	92	X.sắc	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
403	15	B22DCAT068	Phạm Hồng	Dương	D22CQAT04-B	3,34		3,34	82	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
404	16	B22DCAT242	Nguyễn Đình	Quyên	D22CQAT02-B	3,32		3,32	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
405	17	B22DCAT311	Đặng Thị Hồng	Vân	D22CQAT03-B	3,31		3,31	81	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
406	18	B22DCAT019	Nguyễn Quốc	Anh	D22CQAT03-B	3,29		3,29	86	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
407	19	B22DCAT092	Lê Ngọc	Đức	D22CQAT04-B	3,26		3,26	88	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
408	20	B22DCAT182	Trịnh Đắc	Lượng	D22CQAT02-B	3,24		3,24	80	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	ATTT
409	21	B23DCAT020	Trần Duy	Anh	D23CQAT05-B	3,42	0,1	3,52	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
410	22	B23DCAT238	Doãn Duy	Phúc	D23CQAT03-B	3,36	0,15	3,51	87	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
411	23	B23DCAT022	Trần Ngọc	Ánh	D23CQAT02-B	3,39	0,1	3,49	95	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
412	24	B23DCAT102	Đặng Vũ	Hiếu	D23CQAT02-B	3,45		3,45	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
413	25	B23DCAT212	Vũ Quốc	Nghĩa	D23CQAT02-B	3,35	0,1	3,45	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
414	26	B23DCAT007	Dương Hoàng	Anh	D23CQAT02-B	3,26	0,15	3,41	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
415	27	B23DCAT333	Vũ Khánh	Vân	D23CQAT03-B	3,39		3,39	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT
416	28	B24DCAT083	Trần Lê Khánh	Hà	D24CQAT03-B	3,57	0,1	3,67	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
417	29	B23DCAT116	Vũ Huy	Hoàng	D24CQAT01-B	3,59		3,59	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
418	30	B24DCAT093	Cao Ngọc	Hiếu	D24CQAT03-B	3,48	0,1	3,58	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
419	31	B24DCAT125	Nguyễn Đức	Huy	D24CQAT01-B	3,52		3,52	82	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
420	32	B24DCAT112	Bùi Quang	Hùng	D24CQAT02-B	3,50		3,50	83	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
421	33	B24DCAT122	Dương Quang	Huy	D24CQAT02-B	3,49		3,49	83	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
422	34	B24DCAT132	Lều Quang	Khải	D24CQAT02-B	3,49		3,49	88	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
423	35	B24DCAT278	Phạm Anh	Tú	D24CQAT02-B	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
424	36	B24DCAT020	Phạm Mỹ	Anh	D24CQAT05-B	3,43		3,43	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
425	37	B24DCAT170	Nguyễn Minh	Long	D24CQAT03-B	3,41		3,41	80	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
426	38	B24DCAT215	Phạm Quang	Nhật	D24CQAT04-B	3,40		3,40	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT
427	39	B25DCAT014	Phuong Mạnh	Ba	D25CQAT02-B	3,81		3,81	87	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
428	40	B25DCAT167	Vũ Đình	Tùng	D25CQAT03-B	3,72		3,72	81	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
429	41	B25DCAT171	Phí Trọng	Tấn	D25CQAT03-B	3,57		3,57	83	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
430	42	B25DCAT168	Nguyễn Mạnh	Tú	D25CQAT04-B	3,53		3,53	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
431	43	B25DCAT094	Nguyễn Quang	Minh	D25CQAT02-B	3,51		3,51	82	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
432	44	B25DCAT111	Nguyễn Duy	Phong	D25CQAT03-B	3,50		3,50	81	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
433	45	B25DCAT134	Lê Văn	Thuận	D25CQAT02-B	3,47		3,47	89	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
434	46	B25DCAT126	Đặng Phú	Quý	D25CQAT02-B	3,43		3,43	83	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
435	47	B25DCAT187	Nhữ Hải	Đặng	D25CQAT03-B	3,43		3,43	81	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT
<b>An toàn thông tin - CLC</b>														
436	1	B25DCAE049	Trần Minh	Long	D25CQAE01-B	3,67		3,67	82	Tốt	Giỏi	23.375,00	2025	ATTT-CLC
437	2	B25DCAE055	Hoàng Nguyễn Tiến	Minh	D25CQAE01-B	3,50		3,50	81	Tốt	Giỏi	23.375,00	2025	ATTT-CLC
438	3	B25DCAE035	Lương Gia	Khoa	D25CQAE02-B	3,40		3,40	83	Tốt	Giỏi	23.375,00	2025	ATTT-CLC
439	4	B25DCAE085	Nguyễn Đình Nam	Son	D25CQAE01-B	3,33		3,33	67	Khá	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
440	5	B25DCAE010	Nguyễn Xuân	Bách	D25CQAE01-B	3,26		3,26	77	Khá	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
441	6	B25DCAE090	Phạm Đức	Thắng	D25CQAE03-B	3,09		3,09	68	Khá	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
442	7	B25DCAE067	Vũ Hữu	Minh	D25CQAE01-B	3,00		3,00	86	Tốt	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
443	8	B25DCAE079	Nguyễn Đức	Pháp	D25CQAE01-B	3,00		3,00	78	Khá	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
444	9	B25DCAE077	Nguyễn Vũ Tuấn	Phong	D25CQAE02-B	3,00		3,00	75	Khá	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
445	10	B25DCAE099	Nguyễn Ngọc	Việt	D25CQAE03-B	3,00		3,00	78	Khá	Khá	21.250,00	2025	ATTT-CLC
<b>An toàn thông tin - Tài năng</b>														
446	1	B23DCAT004	Chữ Đức	Anh	D23CTAT01-B	3,32	0,4	3,72	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
447	2	B23DCAT179	Lê Quang	Mạnh	D23CTAT01-B	3,58	0,1	3,68	95	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	ATTT-TN
448	3	B23DCAT177	Vũ Đức	Lương	D23CTAT01-B	3,45	0,2	3,65	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
449	4	B23DCAT093	Vũ Trường	Hải	D23CTAT01-B	3,65		3,65	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	ATTT-TN
450	5	B23DCAT156	Đỗ Trung	Kiên	D23CTAT01-B	3,47	0,15	3,62	91	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	ATTT-TN
451	6	B23DCAT320	Hoàng Hoàng	Tuấn	D23CTAT01-B	3,46	0,15	3,61	98	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	ATTT-TN
452	7	B23DCAT171	Hà Đức	Long	D23CTAT01-B	3,59		3,59	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
453	8	B23DCAT174	Nguyễn Văn	Long	D23CTAT01-B	3,15	0,4	3,55	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
454	9	B23DCAT231	Nguyễn An	Ninh	D23CTAT01-B	3,54		3,54	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
455	10	B23DCAT217	Trần Thị Vân	Ngọc	D23CTAT01-B	3,48		3,48	95	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
456	11	B23DCAT155	Đỗ Đăng	Kiểm	D23CTAT01-B	3,43		3,43	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
457	12	B23DCAT300	Trần Văn	Triển	D23CTAT01-B	3,33	0,1	3,43	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
458	13	B23DCAT139	Dương Thị Ngọc	Huyền	D23CTAT01-B	3,42		3,42	92	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
459	14	B23DCAT206	Nguyễn Hoàng	Nam	D23CTAT01-B	3,40		3,40	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN
460	15	B23DCAT084	Nguyễn Thu	Hà	D23CTAT01-B	3,29	0,1	3,39	87	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	ATTT-TN

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
461	16	B24DCAT190	Nguyễn Bình	Minh	D24CTAT01-B	3,81	0,1	3,91	96	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ATTT-TN
462	17	B24DCAT059	Đình Văn	Đức	D24CTAT01-B	3,90		3,90	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
463	18	B24DCAT038	Hoàng Hải	Đặng	D24CTAT01-B	3,76		3,76	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
464	19	B24DCAT275	Lê Thanh	Tú	D24CTAT01-B	3,73		3,73	90	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ATTT-TN
465	20	B24DCAT251	Võ Duy	Thắng	D24CTAT01-B	3,41	0,3	3,71	91	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ATTT-TN
466	21	B24DCAT087	Nguyễn Thị	Hằng	D24CTAT01-B	3,67		3,67	88	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
467	22	B24DCAT246	Trần Duy	Tân	D24CTAT01-B	3,60		3,60	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
468	23	B24DCAT004	Vũ Duy	An	D24CTAT01-B	3,58		3,58	82	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
469	24	B24DCAT254	Nguyễn Xuân	Thành	D24CTAT01-B	3,57		3,57	84	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
470	25	B24DCAT095	Lê Đình	Hiếu	D24CTAT01-B	3,55		3,55	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
471	26	B24DCAT184	Bùi Nhật	Minh	D24CTAT01-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
472	27	B24DCAT081	Phạm Vũ Đức	Duy	D24CTAT01-B	3,49		3,49	82	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
473	28	B24DCAT058	Cao Văn	Đức	D24CTAT01-B	3,46		3,46	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
474	29	B24DCAT269	Vũ Đình	Trọng	D24CTAT01-B	3,46		3,46	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
475	30	B24DCAT207	Nguyễn Huy	Nghiên	D24CTAT01-B	3,43		3,43	83	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
476	31	B24DCAT164	Trần Khánh	Linh	D24CTAT01-B	3,31	0,1	3,41	88	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
477	32	B24DCAT264	Nguyễn Tiến	Toàn	D24CTAT01-B	3,40		3,40	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ATTT-TN
478	33	B25DCAT160	Trịnh Tuấn	Tài	D25CTAT01-B	3,90	0,3	4,00	87	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT-TN
479	34	B25DCAT065	Đỗ Hoàng Thanh	Hải	D25CTAT01-B	3,81		3,81	94	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2025	ATTT-TN
480	35	B25DCAT142	Hoàng Thị Phương	Thúy	D25CTAT01-B	3,80		3,80	85	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT-TN
481	36	B25DCAT026	Đào Đức	Doanh	D25CTAT01-B	3,76		3,76	91	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2025	ATTT-TN
482	37	B25DCAT072	Phạm Phùng	Khôi	D25CTAT01-B	3,61		3,61	80	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT-TN
483	38	B25DCAT050	Bùi Quang	Huy	D25CTAT01-B	3,48		3,48	91	X.sắc	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT-TN
484	39	B25DCAT138	Nguyễn Xuân	Thành	D25CTAT01-B	3,41		3,41	88	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT-TN
485	40	B25DCAT135	Hà Huy	Thành	D25CTAT01-B	3,35		3,35	82	Tốt	Giỏi	16.830,00	2025	ATTT-TN
<b>Điện tử viễn thông</b>														
486	1	B22DCVT260	La Thế	Kiên	D22CQVT04-B	3,88		3,88	88	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
487	2	B22DCVT338	Lê Ngọc	Minh	D22CQVT02-B	3,82		3,82	92	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	ĐTVT
488	3	B22DCVT258	Đặng Sỹ	Kiên	D22CQVT02-B	3,63		3,63	86	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
489	4	B22DCVT548	Nguyễn Thị	Thùy	D22CQVT04-B	3,62		3,62	90	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	ĐTVT
490	5	B22DCVT113	Nguyễn Quý	Dương	D22CQVT01-B	3,59		3,59	87	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
491	6	B22DCVT354	Dương Hoài	Nam	D22CQVT02-B	3,59		3,59	84	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
492	7	B22DCVT088	Đình Công	Dũng	D22CQVT08-B	3,52		3,52	82	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
493	8	B22DCVT243	Phan Đình	Huy	D22CQVT03-B	3,50		3,50	88	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
494	9	B22DCVT244	Phan Thanh	Huy	D22CQVT04-B	3,47		3,47	82	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
495	10	B22DCVT444	Nguyễn Hồng	Son	D22CQVT04-B	3,47		3,47	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
496	11	B22DCVT009	Đình Hà	Anh	D22CQVT01-B	3,45		3,45	82	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
497	12	B22DCVT433	Nguyễn Như	Quỳnh	D22CQVT01-B	3,45		3,45	83	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
498	13	B22DCVT247	Trần Văn	Huy	D22CQVT07-B	3,45		3,45	80	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
499	14	B22DCVT239	Nguyễn Hoàng Lê	Huy	D22CQVT07-B	3,44		3,44	80	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
500	15	B22DCVT234	Đỗ Quang	Huy	D22CQVT02-B	3,33	0,1	3,43	93	X.sắc	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
501	16	B22DCVT141	Tạ Đồng	Đặng	D22CQVT05-B	3,42		3,42	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
502	17	B22DCVT008	Đặng Việt	Anh	D22CQVT08-B	3,42		3,42	86	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
503	18	B22DCVT604	Phạm Nguyễn Hải	Yến	D22CQVT04-B	3,41		3,41	85	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
504	19	B22DCVT106	Nguyễn Minh	Duy	D22CQVT02-B	3,38		3,38	84	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
505	20	B22DCVT370	Trần Phương	Nam	D22CQVT02-B	3,38		3,38	84	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
506	21	B22DCVT346	Nguyễn Hoàng	Minh	D22CQVT02-B	3,33		3,33	85	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
507	22	B22DCVT015	Hoàng Quốc	Anh	D22CQVT07-B	3,33		3,33	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
508	23	B22DCVT227	Nguyễn Thế	Hùng	D22CQVT03-B	3,32		3,32	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
509	24	B22DCVT197	Vì Minh	Hiếu	D22CQVT05-B	3,21	0,1	3,31	97	X.sắc	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
510	25	B22DCVT219	Vũ Trần	Hợp	D22CQVT03-B	3,29		3,29	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
511	26	B22DCVT473	Nguyễn Văn	Tú	D22CQVT01-B	3,27		3,27	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
512	27	B22DCVT032	Phạm Tiến	Anh	D22CQVT08-B	3,27		3,27	82	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
513	28	B22DCVT196	Phan Nhân	Hiếu	D22CQVT04-B	3,26		3,26	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
514	29	B22DCVT516	Phạm Văn	Thành	D22CQVT04-B	3,25		3,25	83	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
515	30	B22DCVT337	Hoàng Sỹ	Minh	D22CQVT01-B	3,24		3,24	85	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
516	31	B22DCVT298	Phạm Bảo	Khuê	D22CQVT02-B	3,24		3,24	82	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
517	32	B22DCVT382	Lê Thị Như	Nguyễn	D22CQVT06-B	3,24		3,24	82	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
518	33	B22DCVT085	Đặng Thị	Diệu	D22CQVT05-B	3,21		3,21	89	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
519	34	B22DCVT381	Khuất Đình	Nguyễn	D22CQVT05-B	3,21		3,21	84	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
520	35	B22DCVT007	Dương Thị Hồng	Anh	D22CQVT07-B	3,21		3,21	85	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	ĐTVT
521	36	B23DCVT310	Phạm Bảo	Ngọc	D23CQVT04-B	3,66		3,66	76	Khá	Khá	16.560,00	2023	ĐTVT
522	37	B23DCVT334	Trần Xuân	Phú	D23CQVT04-B	3,51		3,51	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
523	38	B23DCVT190	Đào Thái	Hung	D23CQVT04-B	3,47		3,47	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
524	39	B23DCVT038	Nguyễn Đắc	Bắc	D23CQVT02-B	3,39		3,39	80	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
525	40	B23DCVT140	Vũ Huy	Hải	D23CQVT02-B	3,34		3,34	79	Khá	Khá	16.560,00	2023	ĐTVT
526	41	B23DCVT445	Bùi Thanh	Tùng	D23CQVT01-B	3,28		3,28	74	Khá	Khá	16.560,00	2023	ĐTVT
527	42	B23DCVT305	Hà Thu	Ngân	D23CQVT05-B	3,28		3,28	88	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
528	43	B23DCVT317	Nguyễn Duy	Nhật	D23CQVT05-B	3,26		3,26	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
529	44	B23DCVT128	Phạm Việt	Hà	D23CQVT02-B	3,23		3,23	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
530	45	B23DCVT412	Nguyễn Xuân	Tiến	D23CQVT04-B	3,22		3,22	85	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT
531	46	B24DCVT004	Trần Quốc	Ân	D24CQVT06-B	3,96		3,96	90	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT
532	47	B24DCVT022	Trần Hữu Bảo	Anh	D24CQVT07-B	3,83		3,83	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
533	48	B24DCVT184	Vũ Quốc	Huy	D24CQVT02-B	3,81		3,81	90	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT
534	49	B24DCVT040	Đặng Đình	Bông	D24CQVT05-B	3,77		3,77	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
535	50	B24DCVT340	Hoàng Tuấn	Thành	D24CQVT05-B	3,77		3,77	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
536	51	B24DCVT377	Nguyễn Anh	Tuấn	D24CQVT05-B	3,76		3,76	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
537	52	B24DCVT095	Nguyễn Đức	Dũng	D24CQVT05-B	3,73		3,73	84	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
538	53	B24DCVT381	Nguyễn Văn	Tùng	D24CQVT02-B	3,71		3,71	84	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
539	54	B24DCVT235	Trần Tuấn	Long	D24CQVT01-B	3,67		3,67	89	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
540	55	B24DCVT117	Vũ Dương	Duy	D24CQVT06-B	3,67		3,67	94	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT
541	56	B24DCVT170	Trần Thị Lan	Hương	D24CQVT02-B	3,63		3,63	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
542	57	B24DCVT069	Phạm Thành	Đạt	D24CQVT04-B	3,63		3,63	89	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
543	58	B24DCVT153	Nguyễn Như	Hoàng	D24CQVT06-B	3,63		3,63	88	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
544	59	B24DCVT287	Kiều Nguyễn	Phong	D24CQVT07-B	3,63		3,63	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
545	60	B24DCVT297	Lê Minh	Phương	D24CQVT03-B	3,47	0,1	3,57	92	X.sắc	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
546	61	B24DCVT244	Vũ Đức	Mạnh	D24CQVT06-B	3,57		3,57	81	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
547	62	B24DCVT328	Nguyễn Văn	Tạo	D24CQVT07-B	3,57		3,57	82	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
548	63	B24DCVT365	Trần Văn	Trường	D24CQVT01-B	3,56		3,56	83	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
549	64	B24DCVT396	Lê Quang	Vinh	D24CQVT04-B	3,56		3,56	81	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
550	65	B24DCVT148	Nguyễn Thị	Hoài	D24CQVT01-B	3,55		3,55	90	X.sắc	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
551	66	B24DCVT356	Đỗ Thị Hương	Trà	D24CQVT06-B	3,55		3,55	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT
552	67	B25DCVT093	Nguyễn Trung	Hiếu	D25CQVT05-B	3,86		3,86	97	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
553	68	B25DCVT091	Nguyễn Minh	Hiếu	D25CQVT03-B	3,84		3,84	90	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
554	69	B25DCVT262	Vũ Thị Hồng	Nhung	D25CQVT06-B	3,75		3,75	88	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
555	70	B25DCVT082	Nguyễn Đức	Dương	D25CQVT02-B	3,73		3,73	84	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
556	71	B25DCVT083	Đào Hoàng	Dương	D25CQVT03-B	3,73		3,73	90	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
557	72	B25DCVT119	Nguyễn Quang	Huy	D25CQVT07-B	3,73		3,73	92	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
558	73	B25DCVT335	Phạm Bằng	Trang	D25CQVT07-B	3,73		3,73	100	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
559	74	B25DCVT176	Trần An	Khánh	D25CQVT08-B	3,73		3,73	81	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
560	75	B25DCVT001	Hoàng Thị Hoài	An	D25CQVT01-B	3,70		3,70	94	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
561	76	B25DCVT059	Đỗ Mạnh	Cường	D25CQVT03-B	3,70		3,70	86	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
562	77	B25DCVT106	Lê Đăng	Hoàng	D25CQVT02-B	3,69		3,69	85	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
563	78	B25DCVT131	Nguyễn Nguyễn	Hà	D25CQVT03-B	3,59	0,1	3,69	91	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
564	79	B25DCVT096	Phạm Hữu Trung	Hiếu	D25CQVT08-B	3,67		3,67	93	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
565	80	B25DCVT344	Nguyễn Hải	Trường	D25CQVT08-B	3,67		3,67	80	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
566	81	B25DCVT044	Giáp Thành	Cao	D25CQVT04-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
567	82	B25DCVT108	Nguyễn Minh	Hoàng	D25CQVT04-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
568	83	B25DCVT017	Ngô Đức	Anh	D25CQVT01-B	3,64		3,64	96	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
569	84	B25DCVT010	Nguyễn Duy Tiến	Anh	D25CQVT02-B	3,61		3,61	88	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
570	85	B25DCVT198	Nguyễn Thành	Luân	D25CQVT06-B	3,51	0,1	3,61	93	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
571	86	B25DCVT336	Đào Tú	Trinh	D25CQVT08-B	3,51	0,1	3,61	95	X.sắc	Xuất sắc	13.464,00	2025	ĐTVT
572	87	B25DCVT339	Nguyễn Thành	Trung	D25CQVT03-B	3,59		3,59	85	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
573	88	B25DCVT308	Nguyễn Quang	Thiều	D25CQVT04-B	3,59		3,59	94	X.sắc	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
574	89	B25DCVT005	Lê Văn	Anh	D25CQVT05-B	3,59		3,59	83	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
575	90	B25DCVT103	Hoàng Anh	Hoàng	D25CQVT07-B	3,59		3,59	89	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
576	91	B25DCVT371	Nguyễn Đình	Tùng	D25CQVT03-B	3,55		3,55	88	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
577	92	B25DCVT047	Bùi Kim Thành	Chung	D25CQVT07-B	3,51		3,51	83	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
578	93	B25DCVT311	Thân Thị	Thủy	D25CQVT07-B	3,51		3,51	89	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
579	94	B25DCVT170	Lê Hữu	Khánh	D25CQVT02-B	3,50		3,50	84	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
580	95	B25DCVT407	Đỗ Tiến	Đạt	D25CQVT07-B	3,50		3,50	82	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
581	96	B25DCVT261	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D25CQVT05-B	3,46		3,46	83	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
582	97	B25DCVT030	Nguyễn Hoàng	Bách	D25CQVT06-B	3,46		3,46	91	X.sắc	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT
<b>Điện tử viễn thông - Tài năng</b>														
583	1	B23DCVT397	Nguyễn Công	Thành	D23CTVT01-B	3,64	0,2	3,84	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
583	2	B23DCVT428	Chữ Anh	Tú	D23CTVT01-B	3,78		3,78	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
584	3	B23DCVT454	Nguyễn Gia	Việt	D23CTVT01-B	3,76		3,76	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
585	4	B23DCVT212	Nguyễn Quốc	Huy	D23CTVT01-B	3,66		3,66	90	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2023	ĐTVT-TN
586	5	B23DCVT250	Nguyễn Quyền	Linh	D23CTVT01-B	3,51		3,51	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
587	6	B23DCVT248	Vũ Hồng	Kỳ	D23CTVT01-B	3,49		3,49	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
588	7	B23DCVT142	Trần Đức	Hán	D23CTVT01-B	3,48		3,48	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
589	8	B23DCVT282	Nguyễn Văn Anh	Minh	D23CTVT01-B	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
590	9	B23DCVT269	Đặng Quang	Minh	D23CTVT01-B	3,38		3,38	80	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
591	10	B23DCVT383	Phạm Trần Quý	Tâm	D23CTVT01-B	3,36		3,36	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
592	11	B23DCVT031	Nguyễn Vũ Kim	Anh	D23CTVT01-B	3,34		3,34	88	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
593	12	B23DCVT430	Mai Tuấn	Tú	D23CTVT01-B	3,32		3,32	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
594	13	B23DCVT020	Mạc Đức	Anh	D23CTVT01-B	3,23		3,23	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
595	14	B23DCVT085	Bùi Chí	Diệp	D23CTVT01-B	3,00	0,2	3,20	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	ĐTVT-TN
596	15	B24DCVT062	Bùi Tiến	Đạt	D24CTVT01-B	3,90		3,90	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT-TN
597	16	B24DCVT263	Vũ Trần Tuấn	Minh	D24CTVT01-B	3,86		3,86	90	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
598	17	B24DCVT160	Nguyễn Đức	Hùng	D24CTVT01-B	3,83		3,83	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT-TN
599	18	B24DCVT197	Trần Bảo	Khánh	D24CTVT01-B	3,83		3,83	92	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
600	19	B24DCVT239	Phạm Xuân	Mai	D24CTVT01-B	3,83		3,83	94	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
601	20	B24DCVT130	Hoàng Công	Hiếu	D24CTVT01-B	3,61	0,1	3,71	96	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
602	21	B24DCVT125	Trịnh Hoàng	Hào	D24CTVT01-B	3,68		3,68	91	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
603	22	B24DCVT286	Nguyễn Vũ	Nhật	D24CTVT01-B	3,67		3,67	92	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
604	23	B24DCVT123	Trần Hoàng	Hải	D24CTVT01-B	3,66		3,66	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT-TN
605	24	B24DCVT191	Bùi Gia	Khánh	D24CTVT01-B	3,64		3,64	91	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
606	25	B24DCVT225	Nguyễn Chí	Linh	D24CTVT01-B	3,64		3,64	90	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	ĐTVT-TN
607	26	B24DCVT338	Đỗ Tiến	Thành	D24CTVT01-B	3,62		3,62	86	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT-TN
608	27	B24DCVT194	Nguyễn Mạnh	Khánh	D24CTVT01-B	3,49	0,1	3,59	90	X.sắc	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT-TN
609	28	B24DCVT107	Nguyễn Văn	Dương	D24CTVT01-B	3,55		3,55	85	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	ĐTVT-TN
610	29	B25DCVT423	Đào Thanh	Đức	D25CTVT01-B	3,70		3,70	89	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT-TN
611	30	B25DCVT294	Đào Minh	Quân	D25CTVT01-B	3,65		3,65	87	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT-TN
612	31	B25DCVT038	Phan Gia	Bảo	D25CTVT01-B	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT-TN
613	32	B25DCVT003	Hoàng Hải	Anh	D25CTVT01-B	3,56		3,56	82	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT-TN
614	33	B25DCVT377	Nguyễn Trọng	Việt	D25CTVT01-B	3,56		3,56	91	X.sắc	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT-TN
615	34	B25DCVT060	Đoàn Thanh	Cánh	D25CTVT01-B	3,45	0,1	3,55	83	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	ĐTVT-TN
<b>Công nghệ kỹ thuật điện điện tử</b>														
616	1	B22DCDT088	Nguyễn Duy	Đông	D22DTMT02	3,89		3,89	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
617	2	B22DCDT052	Trần Quang	Chiến	D22DTMT02	3,81		3,81	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
618	3	B22DCDT276	Tổng Sỹ	Tân	D22DTMT02	3,79		3,79	84	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
619	4	B22DCDT027	Vũ Đức	Anh	D22DTMT01	3,37	0,2	3,57	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
620	5	B22DCDT072	Phạm Trần	Dương	D22DTMT02	3,56		3,56	83	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
621	6	B22DCDT203	Chu Hà	Nam	D22DTMT02	3,53		3,53	80	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
622	7	B22DCDT222	Lý Trọng	Nghĩa	D22DTMT01	3,47		3,47	85	Tốt	Giỏi	17.242,50	2022	CN KTĐT-MT
623	8	B22DCDT329	Trần Thị Hồng	Vân	D22DTVM01	3,69		3,69	92	X.sắc	Xuất sắc	19.800,00	2022	CN KTĐT-VM
624	9	B22DCDT257	Nguyễn Văn	Quyến	D22DTVM01	3,67		3,67	91	X.sắc	Xuất sắc	19.800,00	2022	CN KTĐT-VM
625	10	B22DCDT149	Phan Quang	Hưng	D22DTVM01	3,65		3,65	91	X.sắc	Xuất sắc	19.800,00	2022	CN KTĐT-VM
626	11	B22DCDT189	Nguyễn Đức	Mạnh	D22DTVM01	3,63		3,63	84	Tốt	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM
627	12	B22DCDT156	Hoàng Trung	Kiên	D22DTVM02	3,50	0,1	3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	19.800,00	2022	CN KTĐT-VM
628	13	B22DCDT219	Vũ Thị Hồng	Ngọc	D22DTVM02	3,48	0,1	3,58	93	X.sắc	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM
629	14	B22DCDT045	Nguyễn Duy	Công	D22DTVM01	3,57		3,57	83	Tốt	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM
630	15	B22DCDT292	Từ Quốc	Tuấn	D22DTVM02	3,57		3,57	87	Tốt	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
631	16	B22DCDT248	Nguyễn Minh	Quân	D22DTVM02	3,42	0,1	3,52	92	X.sắc	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM
632	17	B22DCDT177	Nguyễn Đình Khánh	Linh	D22DTVM01	3,40	0,1	3,50	86	Tốt	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM
633	18	B22DCDT086	Nguyễn Trần Tiến	Độ	D22DTVM01	3,48		3,48	84	Tốt	Giỏi	18.150,00	2022	CN KTĐT-VM
634	19	B23DCDT038	Trịnh Đức	Cường	D23CQDT02-B	3,74		3,74	92	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CN KTĐT
635	20	B23DCDT121	Lê Đình	Huy	D23CQDT01-B	3,54		3,54	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
636	21	B23DCDT096	Lê Đình	Hòa	D23CQDT04-B	3,45		3,45	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
637	22	B23DCDT010	Lê Ngọc	Anh	D23CQDT02-B	3,44		3,44	78	Khá	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
638	23	B23DCDT159	Nguyễn Khắc	Lộc	D23CQDT03-B	3,43		3,43	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
639	24	B23DCDT227	Trần Anh	Tài	D23CQDT03-B	3,41		3,41	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
640	25	B23DCDT215	Nguyễn Đức	Quốc	D23CQDT03-B	3,39		3,39	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
641	26	B23DCDT238	Đỗ Bá	Thành	D23CQDT02-B	3,34		3,34	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
642	27	B23DCDT253	Đặng Văn Mạnh	Tiến	D23CQDT01-B	3,24		3,24	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
643	28	B23DCDT275	Lê Ngọc	Tuấn	D23CQDT03-B	3,14	0,1	3,24	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
644	29	B23DCDT061	Phạm Thị Hồng	Diệp	D23CQDT01-B	3,13	0,1	3,23	89	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
645	30	B23DCDT272	Phạm Anh	Tú	D23CQDT04-B	3,12	0,1	3,22	90	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CN KTĐT
646	31	B23DCDT290	Trần Văn	Vinh	D23CQDT02-B	3,18		3,18	81	Tốt	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
647	32	B23DCDT112	Lê Tuấn	Hung	D23CQDT04-B	3,18		3,18	77	Khá	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
648	33	B23DCDT043	Nguyễn Trung	Đán	D23CQDT03-B	3,16		3,16	77	Khá	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
649	34	B23DCDT228	Trần Khắc	Tài	D23CQDT04-B	3,16		3,16	79	Khá	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
650	35	B23DCDT047	Nhữ Đào Hải	Đặng	D23CQDT03-B	3,06	0,1	3,16	81	Tốt	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
651	36	B23DCDT183	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	D23CQDT03-B	3,13		3,13	82	Tốt	Khá	17.480,00	2023	CN KTĐT
652	37	B24DCDT064	Phạm Gia	Đức	D24CQDT02-B	3,93		3,93	95	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
653	38	B24DCDT195	Nguyễn Công	Minh	D24CQDT05-B	3,93		3,93	86	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
654	39	B24DCDT151	Vũ Viết	Huy	D24CQDT05-B	3,89		3,89	84	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
655	40	B24DCDT112	Nguyễn Trung	Hiếu	D24CQDT02-B	3,86		3,86	95	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
656	41	B24DCDT170	Phạm Trung	Kiên	D24CQDT05-B	3,86		3,86	83	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
657	42	B24DCDT196	Nguyễn Đăng	Minh	D24CQDT01-B	3,85		3,85	81	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
658	43	B24DCDT267	Nguyễn Thị Kiều	Trang	D24CQDT02-B	3,85		3,85	97	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
659	44	B24DCDT050	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	D24CQDT05-B	3,83		3,83	92	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
660	45	B24DCDT071	Dương Anh	Dũng	D24CQDT01-B	3,81		3,81	85	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
661	46	B24DCDT234	Phạm Ngọc	Quý	D24CQDT04-B	3,81		3,81	96	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
662	47	B24DCDT022	Nguyễn Đức	Bảo	D24CQDT02-B	3,80		3,80	84	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
663	48	B24DCDT085	Nguyễn Đăng	Dương	D24CQDT02-B	3,79		3,79	87	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
664	49	B24DCDT066	Vũ Tiến	Đức	D24CQDT04-B	3,79		3,79	85	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
665	50	B24DCDT289	Ngô Đình	Tuyển	D24CQDT04-B	3,79		3,79	93	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
666	51	B24DCDT094	Phan Thị Thu	Hà	D24CQDT04-B	3,65	0,1	3,75	96	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
667	52	B24DCDT150	Vũ Quang	Huy	D24CQDT04-B	3,74		3,74	86	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
668	53	B24DCDT079	Nguyễn Mạnh	Dũng	D24CQDT02-B	3,71		3,71	85	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
669	54	B24DCDT292	Bùi Trần Quang	Việt	D24CQDT02-B	3,71		3,71	96	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
670	55	B24DCDT253	Phan Đạt	Thành	D24CQDT04-B	3,71		3,71	87	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
671	56	B24DCDT141	Nguyễn Đức	Huy	D24CQDT05-B	3,71		3,71	84	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
672	57	B24DCDT086	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D24CQDT03-B	3,69		3,69	85	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	CN KTĐT
673	58	B24DCDT218	Nguyễn Duy	Phong	D24CQDT02-B	3,58	0,1	3,68	93	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
674	59	B24DCDT247	Nguyễn Quang	Thắng	D24CQDT01-B	3,66		3,66	96	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
675	60	B24DCDT262	Nguyễn Hải	Tiến	D24CQDT02-B	3,64		3,64	90	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
676	61	B24DCDT230	Phạm Minh	Quang	D24CQDT05-B	3,61		3,61	94	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
677	62	B24DCDT207	Nguyễn Hải	Nam	D24CQDT02-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	CN KTĐT
678	63	B25DCDT130	Nguyễn Văn	Minh	D25CQDT02-B	3,91		3,91	93	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CN KTĐT
679	64	B25DCDT241	Hoàng Hải	Đăng	D25CQDT01-B	3,85		3,85	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
680	65	B25DCDT197	Phạm Văn	Thái	D25CQDT01-B	3,81		3,81	86	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
681	66	B25DCDT209	Phan Quốc	Trung	D25CQDT01-B	3,81		3,81	86	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
682	67	B25DCDT189	Mai Ngọc	Thoáng	D25CQDT01-B	3,79		3,79	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
683	68	B25DCDT144	Trương Văn	Mạnh	D25CQDT04-B	3,79		3,79	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
684	69	B25DCDT181	Bùi Trần Quang	Sáng	D25CQDT01-B	3,74		3,74	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
685	70	B25DCDT170	Đỗ Ngọc	Phước	D25CQDT02-B	3,74		3,74	81	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
686	71	B25DCDT229	Đỗ Đăng	Vinh	D25CQDT01-B	3,72		3,72	89	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
687	72	B25DCDT097	Nguyễn Trọng	Hào	D25CQDT01-B	3,66		3,66	85	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
688	73	B25DCDT079	Hoàng Việt	Hùng	D25CQDT03-B	3,66		3,66	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
689	74	B25DCDT013	Trần Việt	Anh	D25CQDT01-B	3,65		3,65	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
690	75	B25DCDT193	Lưu Minh	Thành	D25CQDT01-B	3,61		3,61	80	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
691	76	B25DCDT142	Lê Quang	Mạnh	D25CQDT02-B	3,61		3,61	81	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
692	77	B25DCDT210	Hà Quang	Trí	D25CQDT02-B	3,61		3,61	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
693	78	B25DCDT224	Nguyễn Anh	Tú	D25CQDT04-B	3,58		3,58	80	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
694	79	B25DCDT085	Bùi Quang	Hung	D25CQDT01-B	3,53		3,53	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
695	80	B25DCDT157	Nguyễn Thiện	Nhân	D25CQDT01-B	3,50		3,50	80	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
696	81	B25DCDT077	Chu Hoàng	Hà	D25CQDT01-B	3,49		3,49	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
697	82	B25DCDT137	Vũ Bình	Minh	D25CQDT01-B	3,47		3,47	85	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
698	83	B25DCDT070	Lại Quốc	Huy	D25CQDT02-B	3,46		3,46	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
699	84	B25DCDT063	Bùi Đức	Hoàng	D25CQDT03-B	3,35	0,1	3,45	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN KTĐT
<b>Công nghệ Đa phương tiện</b>														
700	1	B22DCPT064	Lê Hương	Giang	D22TKDPT02	3,78		3,78	87	Tốt	Giỏi	16.335,00	2022	CN ĐPT-TK
701	2	B22DCPT119	Phùng Đức	Hung	D22TKDPT02	3,78		3,78	90	X.sắc	Xuất sắc	17.820,00	2022	CN ĐPT-TK
702	3	B22DCPT196	Đặng Thị Thu	Nguyệt	D22TKDPT02	3,73		3,73	84	Tốt	Giỏi	16.335,00	2022	CN ĐPT-TK
703	4	B22DCPT076	Hoàng Lê Thanh	Háo	D22TKDPT02	3,70		3,70	95	X.sắc	Xuất sắc	17.820,00	2022	CN ĐPT-TK
704	5	B22DCPT084	Phạm Phúc	Hiệp	D22TKDPT02	3,70		3,70	93	X.sắc	Xuất sắc	17.820,00	2022	CN ĐPT-TK
705	6	B22DCPT175	Nguyễn Thành	Nam	D22TKDPT02	3,70		3,70	88	Tốt	Giỏi	16.335,00	2022	CN ĐPT-TK
706	7	B22DCPT264	Nguyễn Thị	Thân	D22TKDPT02	3,70		3,70	94	X.sắc	Xuất sắc	17.820,00	2022	CN ĐPT-TK
707	8	B22DCPT283	Trần Thị Thanh	Trà	D22TKDPT02	3,70		3,70	88	Tốt	Giỏi	16.335,00	2022	CN ĐPT-TK
708	9	B22DCPT133	Phạm Thanh	Lan	D22TKDPT01	3,65		3,65	92	X.sắc	Xuất sắc	17.820,00	2022	CN ĐPT-TK
709	10	B22DCPT261	Phạm Hà	Thắng	D22PTDPT01	3,94		3,94	86	Tốt	Giỏi	14.520,00	2022	CN ĐPT-UD
710	11	B22DCPT166	Đỗ Hoàng	Minh	D22PTDPT01	3,63	0,15	3,78	93	X.sắc	Xuất sắc	15.840,00	2022	CN ĐPT-UD
711	12	B22DCPT033	Nguyễn Trọng	Chức	D22PTDPT01	3,77		3,77	93	X.sắc	Xuất sắc	15.840,00	2022	CN ĐPT-UD
712	13	B22DCPT043	Nguyễn Danh	Dương	D22PTDPT02	3,77		3,77	85	Tốt	Giỏi	14.520,00	2022	CN ĐPT-UD
713	14	B22DCPT302	Phùng Anh	Văn	D22PTDPT01	3,73		3,73	92	X.sắc	Xuất sắc	15.840,00	2022	CN ĐPT-UD
714	15	B22DCPT148	Phạm Xuân Hoàng	Long	D22PTDPT02	3,54	0,1	3,64	94	X.sắc	Xuất sắc	15.840,00	2022	CN ĐPT-UD
715	16	B22DCPT145	Giang Hoàng	Long	D22PTDPT01	3,63		3,63	93	X.sắc	Xuất sắc	15.840,00	2022	CN ĐPT-UD
716	17	B22DCPT208	Phạm Mạnh	Phúc	D22PTDPT02	3,61		3,61	90	X.sắc	Xuất sắc	15.840,00	2022	CN ĐPT-UD

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
717	18	B23DCPT352	Phùng Hải	Yến	D23TKDPT03	3,57	0,1	3,67	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
718	19	B23DCPT150	Nguyễn Đức	Huy	D23TKDPT02	3,64		3,64	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
719	20	B23DCPT112	Nguyễn Quang	Hải	D23TKDPT03	3,62		3,62	87	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
720	21	B23DCPT086	Nguyễn Thái	Dương	D23TKDPT01	3,41	0,1	3,51	89	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
721	22	B23DCPT037	Mai Thị	Bình	D23TKDPT01	3,47		3,47	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
722	23	B23DCPT225	Lê Trung	Nam	D23TKDPT03	3,47		3,47	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
723	24	B23DCPT031	Nguyễn Nguyệt	Ánh	D23TKDPT02	3,46		3,46	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
724	25	B23DCPT296	Nguyễn Đình	Thiên	D23TKDPT03	3,46		3,46	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
725	26	B23DCPT027	Dương Nguyệt	Ánh	D23TKDPT02	3,45		3,45	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
726	27	B23DCPT140	Thân Kim	Huệ	D23TKDPT03	3,43		3,43	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
727	28	B23DCPT310	Trương Khánh	Toàn	D23TKDPT02	3,39		3,39	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-TK
728	29	B23DCPT176	Trần Tuấn	Kiệt	D23PTDPT	3,73		3,73	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
729	30	B23DCPT133	Vũ Mạnh	Hiếu	D23PTDPT	3,68		3,68	97	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	CN ĐPT-UD
730	31	B23DCPT299	Nguyễn Như	Thịnh	D23PTDPT	3,68		3,68	84	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
731	32	B23DCPT264	Nguyễn Trung	Quân	D23PTDPT	3,62		3,62	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
732	33	B23DCPT295	Nguyễn Đình	Thị	D23PTDPT	3,56		3,56	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
733	34	B23DCPT173	Trịnh Trung	Kiên	D23PTDPT	3,55		3,55	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
734	35	B23DCPT227	Võ Hoài	Nam	D23PTDPT	3,55		3,55	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
735	36	B23DCPT109	Nguyễn Hoàng	Hải	D23PTDPT	3,49		3,49	83	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
736	37	B23DCPT297	Đỗ Ngọc	Thiện	D23PTDPT	3,48		3,48	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
737	38	B23DCPT340	Ngô Lê Lộc	Việt	D23PTDPT	3,47		3,47	89	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
738	39	B23DCPT096	Nguyễn Thu	Giang	D23PTDPT	3,41		3,41	81	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	CN ĐPT-UD
739	40	B24DCPT241	Nguyễn Đức	Tùng	D24CQPT01-B	3,57	0,1	3,67	88	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT
740	41	B24DCPT048	Nguyễn Hoài	Diệp	D24CQPT04-B	3,66		3,66	88	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT
741	42	B24DCPT054	Hà Minh	Đức	D24CQPT02-B	3,48		3,48	82	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT
742	43	B24DCPT106	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D24CQPT02-B	3,47		3,47	91	X.sắc	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT
743	44	B24DCPT071	Vương Quốc	Duy	D24CQPT03-B	3,31		3,31	82	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT
744	45	B24DCPT206	Doãn Minh	Thư	D24CQPT02-B	3,29		3,29	77	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
745	46	B24DCPT219	Võ Hoàng Ngọc	Trâm	D24CQPT03-B	3,18	0,1	3,28	83	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
746	47	B24DCPT226	Nguyễn Thùy	Trang	D24CQPT02-B	3,27		3,27	80	Tốt	Giỏi	22.220,00	2024	CN ĐPT
747	48	B24DCPT026	Bùi Việt	Bách	D24CQPT02-B	3,19		3,19	80	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
748	49	B24DCPT012	Lê Hồng	Anh	D24CQPT04-B	3,19		3,19	80	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
749	50	B24DCPT157	Đỗ Thị	Ngà	D24CQPT01-B	3,15		3,15	81	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
750	51	B24DCPT127	Nguyễn Vũ Đức	Lân	D24CQPT03-B	3,15		3,15	80	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
751	52	B24DCPT133	Vũ Tuấn	Linh	D24CQPT01-B	3,12		3,12	72	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
752	53	B24DCPT242	Nguyễn Mạnh	Tùng	D24CQPT02-B	3,12		3,12	74	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
753	54	B24DCPT181	Hoàng Ngọc	Quân	D24CQPT01-B	3,09		3,09	72	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
754	55	B24DCPT243	Trần Thanh	Tùng	D24CQPT03-B	3,09		3,09	78	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
755	56	B24DCPT060	Võ Thùy	Dung	D24CQPT04-B	3,09		3,09	82	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
756	57	B24DCPT212	Bùi Thị Thy	Thy	D24CQPT04-B	3,09		3,09	85	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
757	58	B24DCPT236	Nguyễn Phi	Trường	D24CQPT04-B	3,07		3,07	72	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
758	59	B24DCPT194	Lê Duy	Tâm	D24CQPT02-B	3,06		3,06	68	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
759	60	B24DCPT119	Nguyễn Việt	Khôi	D24CQPT03-B	3,06		3,06	76	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
760	61	B24DCPT172	Phan Thị Thường	Như	D24CQPT04-B	3,06		3,06	82	Tốt	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
761	62	B24DCPT088	Vũ Quang	Hiệu	D24CQPT04-B	3,04		3,04	74	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
762	63	B24DCPT010	Hoàng Đức	Anh	D24CQPT02-B	3,03		3,03	79	Khá	Khá	20.200,00	2024	CN ĐPT
763	64	B25DCPT017	Phạm Việt	Anh	D25CQPT02-B	3,88		3,88	86	Tốt	Giỏi	13.464,00	2025	CN ĐPT
764	65	B25DCPT117	Phan Thị Thùy	Linh	D25CQPT02-B	3,88		3,88	81	Tốt	Giỏi	13.464,00	2025	CN ĐPT
765	66	B25DCPT085	Thân Diệu	Huyền	D25CQPT05-B	3,85		3,85	91	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
766	67	B25DCPT044	Bùi Thùy	Dung	D25CQPT04-B	3,80		3,80	83	Tốt	Giỏi	13.464,00	2025	CN ĐPT
767	68	B25DCPT045	Lê Công Đức	Duy	D25CQPT05-B	3,80		3,80	100	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
768	69	B25DCPT092	Nguyễn Việt	Hung	D25CQPT02-B	3,75		3,75	90	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
769	70	B25DCPT073	Nguyễn Khắc	Hiệu	D25CQPT03-B	3,75		3,75	93	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
770	71	B25DCPT264	Nguyễn Đình Minh	Đức	D25CQPT04-B	3,75		3,75	94	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
771	72	B25DCPT055	Lưu Nguyên	Dương	D25CQPT05-B	3,75		3,75	95	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
772	73	B25DCPT065	Phạm Hương	Giang	D25CQPT05-B	3,72		3,72	96	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
773	74	B25DCPT120	Nguyễn Hoàng	Long	D25CQPT05-B	3,72		3,72	96	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
774	75	B25DCPT220	Nguyễn Thanh	Trà	D25CQPT05-B	3,72		3,72	99	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
775	76	B25DCPT038	Đoàn Nguyễn Yến	Chi	D25CQPT03-B	3,70		3,70	93	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
776	77	B25DCPT063	Nguyễn Hà	Giàng	D25CQPT03-B	3,70		3,70	91	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
777	78	B25DCPT130	Đặng Đức	Lộc	D25CQPT05-B	3,70		3,70	93	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
778	79	B25DCPT190	Phí Thị	Thu	D25CQPT05-B	3,58	0,1	3,68	93	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
779	80	B25DCPT199	Võ Nguyễn Anh	Thư	D25CQPT04-B	3,65		3,65	91	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
780	81	B25DCPT136	Ngô Thái	Minh	D25CQPT01-B	3,63		3,63	97	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
781	82	B25DCPT118	Trần Khánh	Linh	D25CQPT03-B	3,63		3,63	95	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
782	83	B25DCPT089	Trần Quốc	Hùng	D25CQPT04-B	3,63		3,63	90	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
783	84	B25DCPT255	Vũ Hải	Đặng	D25CQPT05-B	3,63		3,63	91	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
784	85	B25DCPT110	Trần Thị Trúc	Lam	D25CQPT05-B	3,62		3,62	93	X.sắc	Xuất sắc	14.688,00	2025	CN ĐPT
<b>Công nghệ Vi mạch bán dẫn</b>														
785	1	B25DCVM124	Tô Xuân	Trường	D25CQVM01-B	3,73	0,1	3,83	90	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CN VM
786	2	B25DCVM112	Phạm Tiến	Thành	D25CQVM01-B	3,82		3,82	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM
787	3	B25DCVM109	Phùng Quang	Thanh	D25CQVM01-B	3,81		3,81	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM
788	4	B25DCVM137	Trần Thế	Vinh	D25CQVM02-B	3,76		3,76	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM
789	5	B25DCVM028	Hồ An	Dương	D25CQVM01-B	3,71		3,71	90	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CN VM
790	6	B25DCVM080	Nguyễn Lê Hoài	Nam	D25CQVM02-B	3,64		3,64	90	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CN VM
<b>Công nghệ Vi mạch bán dẫn - Tài năng</b>														
791	1	B25DCVM118	Trần Văn Việt	Thắng	D25CTVM01-B	3,83		3,83	96	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CN VM-TN
792	2	B25DCVM067	Trần Nhất	Long	D25CTVM01-B	3,81		3,81	89	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM-TN
793	3	B25DCVM073	Bùi Quang	Minh	D25CTVM01-B	3,79		3,79	84	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM-TN
794	4	B25DCVM034	Lê Nguyễn Vũ	Hoàn	D25CTVM01-B	3,74		3,74	85	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM-TN
795	5	B25DCVM097	Nguyễn Minh	Quang	D25CTVM01-B	3,74		3,74	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM-TN
796	6	B25DCVM100	Hoàng Nghĩa Minh	Quân	D25CTVM01-B	3,74		3,74	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	CN VM-TN
797	7	B25DCVM027	Phạm Tiến	Dũng	D25CTVM01-B	3,70		3,70	92	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	CN VM-TN
<b>Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</b>														
798	1	B23DCDK146	Nguyễn Bá Anh	Tuấn	D23CQDK01-B	3,76		3,76	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KT ĐK & TĐH-ĐK
799	2	B23DCDK151	Phạm Thanh	Tùng	D23CQDK01-B	3,70		3,70	86	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KT ĐK & TĐH-ĐK
800	3	B23DCDK143	Trần Văn	Tú	D23CQDK01-B	3,67		3,67	94	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KT ĐK & TĐH-ĐK

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
801	4	B23DCDK012	Phạm Tuấn	Anh	D23CQDK01-B	3,64		3,64	85	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KT ĐK & TĐH-RB
802	5	B23DCDK154	Đào Đại	Vượng	D23CQDK01-B	3,62		3,62	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KT ĐK & TĐH-ĐK
803	6	B24DCDK007	Nguyễn Quang	Bách	D24CQDK01-B	3,88		3,88	93	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	KT ĐK & TĐH
804	7	B24DCDK019	Cao Tiến	Duy	D24CQDK01-B	3,80		3,80	87	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	KT ĐK & TĐH
805	8	B24DCDK012	Bùi Như	Đức	D24CQDK02-B	3,68		3,68	88	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	KT ĐK & TĐH
806	9	B24DCDK080	Nguyễn Văn	Tiến	D24CQDK02-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	23.028,00	2024	KT ĐK & TĐH
807	10	B24DCDK032	Trần Xuân	Hoàn	D24CQDK02-B	3,54		3,54	90	X.sắc	Giỏi	21.109,00	2024	KT ĐK & TĐH
808	11	B24DCDK033	Đình Duy	Hoàng	D24CQDK01-B	3,50		3,50	90	X.sắc	Giỏi	21.109,00	2024	KT ĐK & TĐH
809	12	B24DCDK066	Phạm Văn	Phong	D24CQDK02-B	3,48		3,48	81	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	KT ĐK & TĐH
810	13	B25DCDK022	Nguyễn Đức	Duẩn	D25CQDK02-B	3,78		3,78	81	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH
811	14	B25DCDK080	Lê Văn	Phúc	D25CQDK02-B	3,61		3,61	85	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH
812	15	B25DCDK074	Phan Yến	Nhi	D25CQDK02-B	3,51		3,51	83	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH
813	16	B25DCDK003	Dương Tuấn	Anh	D25CQDK01-B	3,50		3,50	89	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH
814	17	B25DCDK075	Trịnh Bá Thiện	Nhân	D25CQDK01-B	3,38		3,38	87	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH
<b>Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Tài năng</b>														
815	1	B25DCDK109	Phạm Bá	Vương	D25CTDK01-B	3,73		3,73	96	X.sắc	Xuất sắc	12.672,00	2025	KT ĐK & TĐH-TN
816	2	B25DCDK029	Nguyễn Minh	Hiếu	D25CTDK01-B	3,49		3,49	89	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH-TN
817	3	B25DCDK107	Nguyễn Xuân	Việt	D25CTDK01-B	3,48		3,48	82	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH-TN
818	4	B25DCDK010	Nguyễn Điện	Biên	D25CTDK01-B	3,46		3,46	81	Tốt	Giỏi	11.616,00	2025	KT ĐK & TĐH-TN
<b>Khoa học máy tính</b>														
819	1	B22DCKH037	Lã Quang	Hải	D22CQKH01-B	3,86		3,86	92	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	KHMT
820	2	B22DCKH024	Vũ Công Tuấn	Dương	D22CQKH02-B	3,74		3,74	83	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT
821	3	B22DCKH069	Cần Đức	Khôi	D22CQKH01-B	3,68		3,68	87	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT
822	4	B22DCKH123	Nguyễn Mai Đức	Trọng	D22CQKH01-B	3,56	0,1	3,66	95	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	KHMT
823	5	B22DCKH104	Vũ Ngọc	Son	D22CQKH02-B	3,56	0,1	3,66	90	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	KHMT
824	6	B22DCKH027	Bùi Quang	Đạt	D22CQKH01-B	3,62		3,62	90	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	KHMT
825	7	B22DCKH084	Kiều Hồng	Phong	D22CQKH02-B	3,51	0,1	3,61	91	X.sắc	Xuất sắc	16.830,00	2022	KHMT
826	8	B22DCKH085	Ngô Minh	Phong	D22CQKH01-B	3,54		3,54	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT
827	9	B22DCKH096	Hoàng Anh	Quân	D22CQKH02-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
828	10	B22DCKH120	Phạm Ngọc	Thắng	D22CQKH02-B	3,51		3,51	86	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT
829	11	B22DCKH109	Đỗ Trần	Tú	D22CQKH01-B	3,50		3,50	89	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT
830	12	B22DCKH050	Bùi Quốc	Huy	D22CQKH02-B	3,47		3,47	81	Tốt	Giỏi	15.427,50	2022	KHMT
831	13	B23DCKH037	Chu Minh	Hiền	D23CQKH01-B	3,86		3,86	91	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KHMT
832	14	B23DCKH073	Mông Thế	Lực	D23CQKH01-B	3,71	0,1	3,81	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KHMT
833	15	B23DCKH113	Phạm Linh	Thào	D23CQKH01-B	3,59	0,1	3,69	94	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KHMT
834	16	B23DCKH130	Nguyễn Vinh	Tùng	D23CQKH02-B	3,59	0,1	3,69	94	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KHMT
835	17	B23DCKH068	Trần Đào Trung	Kiên	D23CQKH02-B	3,60		3,60	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2023	KHMT
836	18	B23DCKH041	Đặng Hữu	Hiệu	D23CQKH01-B	3,46	0,1	3,56	89	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KHMT
837	19	B23DCKH098	Nguyễn Đức	Sinh	D23CQKH02-B	3,53		3,53	88	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KHMT
838	20	B23DCKH062	Hà Tuấn	Khanh	D23CQKH02-B	3,50		3,50	80	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KHMT
839	21	B23DCKH006	Phan Việt	Bảo	D23CQKH02-B	3,37	0,1	3,47	82	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KHMT
840	22	B23DCKH019	Hán Hữu	Đặng	D23CQKH01-B	3,35	0,1	3,45	91	X.sắc	Giỏi	19.228,00	2023	KHMT
841	23	B23DCKH003	Nguyễn Duy Tuấn	Anh	D23CQKH01-B	3,44		3,44	87	Tốt	Giỏi	19.228,00	2023	KHMT
842	24	B24DCKH075	Nguyễn Đức	Long	D24CQKH02-B	3,89		3,89	91	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
843	25	B24DCKH005	Lê Hoàng	Anh	D24CQKH01-B	3,86		3,86	98	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
844	26	B24DCKH094	Lưu Thị	Ngát	D24CQKH02-B	3,82		3,82	92	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
845	27	B24DCKH002	Đào Tuấn	Anh	D24CQKH01-B	3,81		3,81	91	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
846	28	B24DCKH051	Trần Đình	Hiệp	D24CQKH01-B	3,73		3,73	92	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
847	29	B24DCKH110	Vũ Văn	Quân	D24CQKH01-B	3,59	0,1	3,69	87	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	KHMT
848	30	B24DCKH044	Phạm Đức	Duy	D24CQKH02-B	3,68		3,68	85	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	KHMT
849	31	B24DCKH011	Vương Trí	Bách	D24CQKH02-B	3,56	0,1	3,66	87	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	KHMT
850	32	B24DCKH010	Nguyễn Việt	Bắc	D24CQKH01-B	3,64		3,64	86	Tốt	Giỏi	19.998,00	2024	KHMT
851	33	B24DCKH065	Nguyễn Duy	Khánh	D24CQKH01-B	3,64		3,64	90	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
852	34	B24DCKH066	Phạm Quốc	Khánh	D24CQKH02-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	21.816,00	2024	KHMT
853	35	B25DCKH100	Phạm Đức	Phát	D25CQKH01-B	3,92		3,92	92	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT
854	36	B25DCKH114	Nguyễn Văn	Thành	D25CQKH03-B	3,92		3,92	86	Tốt	Giỏi	10.648,00	2025	KHMT
855	37	B25DCKH022	Nguyễn Thị	Diệp	D25CQKH01-B	3,78		3,78	83	Tốt	Giỏi	10.648,00	2025	KHMT
856	38	B25DCKH115	Vũ Tắt	Thành	D25CQKH01-B	3,78		3,78	87	Tốt	Giỏi	10.648,00	2025	KHMT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
<b>Khoa học máy tính - Tài năng</b>														
857	1	B25DCKH029	Nguyễn Văn	Giang	D25CTKH01-B	4,00		4,00	94	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
858	2	B25DCKH072	Hà Hoàng	Long	D25CTKH01-B	4,00		4,00	97	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
859	3	B25DCKH038	Lương Nguyễn Duy	Hoàng	D25CTKH01-B	3,92		3,92	90	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
860	4	B25DCKH133	Đình Ngọc Anh	Tú	D25CTKH01-B	3,92		3,92	91	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
861	5	B25DCKH101	Nguyễn Hồng	Phúc	D25CTKH01-B	3,86		3,86	97	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
862	6	B25DCKH106	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	D25CTKH01-B	3,84		3,84	96	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
863	7	B25DCKH113	Nguyễn Kim	Thành	D25CTKH01-B	3,73		3,73	88	Tốt	Giỏi	10.648,00	2025	KHMT-TN
864	8	B25DCKH138	Phạm Thị Hải	Yến	D25CTKH01-B	3,65		3,65	94	X.sắc	Xuất sắc	11.616,00	2025	KHMT-TN
<b>Logistic và quản trị chuỗi cung ứng</b>														
865	1	B25DCLQ035	Nguyễn Thị Hải	Hà	D25CQLQ01-B	3,55		3,55	83	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
866	2	B25DCLQ034	Nguyễn Thu	Hà	D25CQLQ02-B	3,50		3,50	84	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
867	3	B25DCLQ029	Đoàn Thị	Giang	D25CQLQ01-B	3,49		3,49	89	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
868	4	B25DCLQ048	Trần Thị Thùy	Linh	D25CQLQ02-B	3,38	0,1	3,48	83	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
869	5	B25DCLQ097	Trương Nguyệt	Ánh	D25CQLQ01-B	3,45		3,45	82	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
870	6	B25DCLQ046	Nguyễn Thùy	Linh	D25CQLQ02-B	3,38		3,38	85	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
871	7	B25DCLQ066	Ngô Phạm Thảo	Phương	D25CQLQ02-B	3,38		3,38	87	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
872	8	B25DCLQ004	Tăng Dương	An	D25CQLQ02-B	3,28	0,1	3,38	89	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
873	9	B25DCLQ038	Đào Thị	Hạnh	D25CQLQ02-B	3,34		3,34	88	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	LQ
<b>Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu</b>														
874	1	B23DCKD069	Nguyễn Thị Thu	Trang	D23CQKD01-B	3,79		3,79	98	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2023	MMT&TTDL
875	2	B23DCKD058	Đỗ Ngọc	Quý	D23CQKD02-B	3,73		3,73	91	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2023	MMT&TTDL
876	3	B23DCKD002	Nguyễn Duy	Anh	D23CQKD02-B	3,70		3,70	97	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2023	MMT&TTDL
877	4	B23DCKD032	Nguyễn Quang	Khải	D23CQKD02-B	3,69		3,69	89	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	MMT&TTDL
878	5	B23DCKD078	Hà Thanh	Tùng	D23CQKD02-B	3,55	0,1	3,65	94	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2023	MMT&TTDL
879	6	B23DCKD039	Nguyễn Hoàng	Long	D23CQKD01-B	3,64		3,64	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2023	MMT&TTDL
880	7	B23DCKD009	Lê Thị Thùy	Chi	D23CQKD01-B	3,54	0,1	3,64	95	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2023	MMT&TTDL
881	8	B24DCKD007	Nguyễn Hồng	Anh	D24CQKD01-B	3,37	0,1	3,47	83	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	MMT&TTDL
882	9	B24DCKD028	Đặng Thị	Hiền	D24CQKD02-B	3,37		3,37	89	Tốt	Giỏi	21.109,00	2024	MMT&TTDL

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
883	10	B24DCKD076	Phạm Thị Trúc	Quỳnh	D24CQKD02-B	3,17	0,1	3,27	93	X.sắc	Giỏi	21.109,00	2024	MMT&TTDL
884	11	B24DCKD078	Nguyễn Việt	Sáng	D24CQKD02-B	3,12		3,12	77	Khá	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
885	12	B24DCKD029	Nguyễn Minh	Hiếu	D24CQKD01-B	3,11		3,11	79	Khá	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
886	13	B24DCKD025	Đậu Việt Hoàng	Hà	D24CQKD01-B	3,09		3,09	73	Khá	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
887	14	B24DCKD055	Nguyễn Đăng	Minh	D24CQKD01-B	3,00		3,00	76	Khá	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
888	15	B24DCKD087	Phạm Hoàng	Thành	D24CQKD01-B	2,93		2,93	80	Tốt	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
889	16	B24DCKD067	Đặng Thu	Phương	D24CQKD01-B	2,90		2,90	81	Tốt	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
890	17	B24DCKD101	Nguyễn Thị Yên	Vi	D24CQKD01-B	2,85		2,85	81	Tốt	Khá	19.190,00	2024	MMT&TTDL
891	18	B25DCKD044	Nguyễn Ngọc Hoàng	Hải	D25CQKD02-B	3,76		3,76	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
892	19	B25DCKD006	Trịnh Quang	Anh	D25CQKD02-B	3,57	0,1	3,67	95	X.sắc	Xuất sắc	17.136,00	2025	MMT&TTDL
893	20	B25DCKD118	Nguyễn Tiến	Việt	D25CQKD02-B	3,53		3,53	81	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
894	21	B25DCKD100	Trần Thị	Thúy	D25CQKD02-B	3,46		3,46	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
895	22	B25DCKD104	Vũ Hồng	Thịnh	D25CQKD02-B	3,41		3,41	93	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
896	23	B25DCKD018	Lại Khương	Duy	D25CQKD02-B	3,40		3,40	82	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
897	24	B25DCKD028	Nguyễn Huy	Hoàng	D25CQKD02-B	3,40		3,40	88	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
898	25	B25DCKD049	Phạm Duy	Khánh	D25CQKD01-B	3,36		3,36	81	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
899	26	B25DCKD005	Nguyễn Tuấn	Anh	D25CQKD01-B	3,25		3,25	83	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
900	27	B25DCKD083	Nguyễn Đình	Phúc	D25CQKD01-B	3,25		3,25	87	Tốt	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
901	28	B25DCKD008	Nguyễn Văn	Bách	D25CQKD02-B	3,25		3,25	95	X.sắc	Giỏi	15.708,00	2025	MMT&TTDL
<b>Thiết kế và phát triển Game</b>														
902	1	B24DCGA112	Nguyễn Bảo	Phú	D24CQGA04-B	3,63		3,63	88	Tốt	Giỏi	24.640,00	2024	TK&PT Game
903	2	B24DCGA018	Tôn Nữ Ngân	Châu	D24CQGA02-B	3,47		3,47	85	Tốt	Giỏi	24.640,00	2024	TK&PT Game
904	3	B24DCGA124	Nguyễn Đình Cường	Quốc	D24CQGA04-B	3,34		3,34	85	Tốt	Giỏi	24.640,00	2024	TK&PT Game
905	4	B24DCGA128	Bàn Hà	Tân	D24CQGA04-B	3,20		3,20	82	Tốt	Giỏi	24.640,00	2024	TK&PT Game
906	5	B24DCGA158	Hà Quang	Tùng	D24CQGA02-B	3,17		3,17	80	Tốt	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
907	6	B24DCGA078	Nguyễn Đăng Bá	Khôi	D24CQGA02-B	3,15		3,15	75	Khá	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
908	7	B24DCGA147	Lã Huyền	Trang	D24CQGA03-B	3,15		3,15	85	Tốt	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
909	8	B24DCGA152	Vũ Hữu	Trọng	D24CQGA04-B	3,14		3,14	81	Tốt	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
910	9	B24DCGA088	Trần Duy	Lực	D24CQGA04-B	3,13		3,13	82	Tốt	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
911	10	B24DCGA012	Trần Mai Thục	Anh	D24CQGA04-B	3,09		3,09	76	Khá	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
912	11	B24DCGA156	Đoàn Thanh	Tú	D24CQGA04-B	3,09		3,09	78	Khá	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
913	12	B24DCGA085	Trịnh Tuấn	Linh	D24CQGA01-B	3,07		3,07	83	Tốt	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
914	13	B24DCGA151	Nguyễn Văn	Triều	D24CQGA03-B	3,06		3,06	83	Tốt	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
915	14	B24DCGA082	Ngô Văn	Kiệt	D24CQGA02-B	3,00		3,00	78	Khá	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
916	15	B24DCGA162	Nguyễn Thành	Vinh	D24CQGA02-B	3,00		3,00	79	Khá	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
917	16	B24DCGA006	Hoàng Kỳ	Anh	D24CQGA02-B	2,98		2,98	78	Khá	Khá	22.400,00	2024	TK&PT Game
918	17	B25DCGA198	Nguyễn Công	Đạt	D25CQGA02-B	3,86		3,86	90	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TK&PT Game
919	18	B25DCGA046	Trần Thái	Dương	D25CQGA02-B	3,65		3,65	86	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
920	19	B25DCGA043	Lê	Dũng	D25CQGA03-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
921	20	B25DCGA148	Kiều Thị Phương	Thanh	D25CQGA04-B	3,64		3,64	85	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
922	21	B25DCGA072	Đông Đại	Hà	D25CQGA04-B	3,51		3,51	82	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
923	22	B25DCGA120	Vũ Tuấn	Minh	D25CQGA04-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
924	23	B25DCGA158	Nguyễn Gia	Thịnh	D25CQGA02-B	3,41		3,41	91	X.sắc	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
925	24	B25DCGA066	Nguyễn Quang	Huy	D25CQGA02-B	3,36		3,36	82	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
926	25	B25DCGA201	Phùng Phạm Tiến	Đạt	D25CQGA01-B	3,27		3,27	85	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
927	26	B25DCGA007	Hoàng Thùy	Anh	D25CQGA03-B	3,26		3,26	84	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
928	27	B25DCGA052	Đỗ Văn	Hiếu	D25CQGA04-B	3,26		3,26	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	TK&PT Game
929	28	B25DCGA012	Nguyễn Hoàng	Anh	D25CQGA04-B	3,24		3,24	72	Khá	Khá	12.540,00	2025	TK&PT Game
930	29	B25DCGA057	Bùi Văn	Hoàn	D25CQGA01-B	3,23		3,23	80	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
931	30	B25DCGA163	Bùi Thị Huyền	Trang	D25CQGA03-B	3,23		3,23	84	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TK&PT Game
932	31	B25DCGA188	Nguyễn Đình	Vinh	D25CQGA04-B	3,23		3,23	78	Khá	Khá	12.540,00	2025	TK&PT Game
933	32	B25DCGA089	Trịnh Ánh	Hồng	D25CQGA01-B	3,19		3,19	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	TK&PT Game
934	33	B25DCGA021	Phạm Nam	Anh	D25CQGA01-B	3,18		3,18	80	Tốt	Khá	12.540,00	2025	TK&PT Game
935	34	B25DCGA175	Nguyễn Minh	Tâm	D25CQGA03-B	3,14		3,14	77	Khá	Khá	12.540,00	2025	TK&PT Game
<b>Trí tuệ nhân tạo</b>														
936	1	B25DCTN027	Nguyễn Đức	Dương	D25CQTN03-B	3,73		3,73	95	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT
937	2	B25DCTN009	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	D25CQTN03-B	3,64		3,64	95	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT
938	3	B25DCTN037	Vũ Duy	Hiếu	D25CQTN01-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
939	4	B25DCTN073	Trần Trung	Kiên	D25CQTN01-B	3,57		3,57	85	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT
940	5	B25DCTN060	Nguyễn Quang	Hữu	D25CQTN03-B	3,56		3,56	83	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT
941	6	B25DCTN029	Phan Huy	Dương	D25CQTN02-B	3,55		3,55	89	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT
<b>Trí tuệ nhân tạo - Tài năng</b>														
942	1	B25DCTN041	Nguyễn Huy	Hoàng	D25CTTN01-B	3,95		3,95	100	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT-TN
943	2	B25DCTN102	Bùi Đàm	Quân	D25CTTN01-B	3,65	0,2	3,85	97	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT-TN
944	3	B25DCTN030	Vũ Ngọc	Dương	D25CTTN01-B	3,83		3,83	91	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT-TN
945	4	B25DCTN111	Ninh Đức	Thành	D25CTTN01-B	3,65		3,65	93	X.sắc	Xuất sắc	15.048,00	2025	TTNT-TN
946	5	B25DCTN040	Nguyễn Duy	Hoàng	D25CTTN01-B	3,60		3,60	88	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT-TN
947	6	B25DCTN123	Nguyễn Lê Phúc	Triết	D25CTTN01-B	3,60		3,60	86	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT-TN
948	7	B25DCTN093	Nguyễn Hồng	Phi	D25CTTN01-B	3,55		3,55	83	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT-TN
949	8	B25DCTN134	Vũ Tuấn	Tú	D25CTTN01-B	3,55		3,55	87	Tốt	Giỏi	13.794,00	2025	TTNT-TN
<b>Trí tuệ nhân tạo vạn vật</b>														
950	1	B25DCTV038	Phạm Văn Duy	Khánh	D25CQTV02-B	3,46		3,46	84	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
951	2	B25DCTV071	Nguyễn Đức	Thắng	D25CQTV01-B	3,45		3,45	83	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
952	3	B25DCTV077	Phạm Lê Thiên	Tường	D25CQTV01-B	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
953	4	B25DCTV046	Dương Trác	Kỳ	D25CQTV02-B	3,41		3,41	89	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
954	5	B25DCTV047	Lê Hoàng Bảo	Linh	D25CQTV01-B	3,28	0,1	3,38	90	X.sắc	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
955	6	B25DCTV004	Nguyễn Thị Minh	Anh	D25CQTV02-B	3,33		3,33	85	Tốt	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
956	7	B25DCTV045	Nguyễn Tuấn	Kiệt	D25CQTV01-B	3,23	0,1	3,33	95	X.sắc	Giỏi	12.342,00	2025	TTNTVV
<b>Kế toán</b>														
957	1	B22DCKT116	Nguyễn Thị Diệu	Linh	D22ACCA	3,94		3,94	91	X.sắc	Xuất sắc	17.328,00	2022	Kế toán - ACCA
958	2	B22DCKT265	Nguyễn Thị	Xuân	D22ACCA	3,87		3,87	85	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	Kế toán - ACCA
959	3	B22DCKT104	Nguyễn Thúy	Kiều	D22ACCA	3,86		3,86	91	X.sắc	Xuất sắc	17.328,00	2022	Kế toán - ACCA
960	4	B22DCKT010	Nguyễn Phương	Anh	D22CQKT01-B	3,95		3,95	87	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	Kế toán
961	5	B22DCKT045	Trần Thị Mai	Dung	D22CQKT03-B	3,94		3,94	90	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
962	6	B22DCKT029	Đình Thu	Chang	D22CQKT02-B	3,91		3,91	87	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	Kế toán
963	7	B22DCKT117	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D22CQKT03-B	3,88		3,88	90	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
964	8	B22DCKT066	Nguyễn Thanh	Hằng	D22CQKT03-B	3,76	0,1	3,86	96	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
965	9	B22DCKT176	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	D22CQKT02-B	3,73	0,1	3,83	99	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
966	10	B22DCKT151	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	D22CQKT01-B	3,78		3,78	93	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
967	11	B22DCKT094	Nguyễn Thu	Huyền	D22CQKT01-B	3,76		3,76	90	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
968	12	B22DCKT060	Đỗ Thị Thu	Hà	D22CQKT03-B	3,74		3,74	92	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
969	13	B22DCKT243	Ngô Thùy	Trang	D22CQKT03-B	3,74		3,74	94	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
970	14	B22DCKT061	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	D22CQKT01-B	3,69		3,69	90	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
971	15	B22DCKT231	Phạm Thị Diệu	Thúy	D22CQKT03-B	3,68		3,68	92	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	Kế toán
972	16	B23DCKT205	Trần Như	Quỳnh	D23CQKT01-B	3,87		3,87	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Kế toán
973	17	B23DCKT265	Hoàng Thị	Tươi	D23CQKT01-B	3,81		3,81	86	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
974	18	B23DCKT194	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D23CQKT02-B	3,79		3,79	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
975	19	B23DCKT237	Đặng Thị	Thùy	D23CQKT01-B	3,75		3,75	85	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
976	20	B23DCKT261	Vũ Quỳnh	Trang	D23CQKT01-B	3,73		3,73	95	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Kế toán
977	21	B23DCKT064	Hứa Thị Minh	Hải	D23CQKT04-B	3,73		3,73	96	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Kế toán
978	22	B23DCKT289	Nguyễn Thị Hải	Yến	D23CQKT01-B	3,70		3,70	89	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
979	23	B23DCKT099	Vũ Khánh	Huyền	D23CQKT03-B	3,70		3,70	83	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
980	24	B23DCKT043	Phạm Thị Ngọc	Diệp	D23CQKT03-B	3,68		3,68	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Kế toán
981	25	B23DCKT254	Nguyễn Thị Kiều	Trang	D23CQKT02-B	3,67		3,67	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
982	26	B23DCKT197	Đoàn Diễm	Quỳnh	D23CQKT01-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
983	27	B23DCKT010	Nguyễn Phương	Anh	D23CQKT02-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
984	28	B23DCKT282	Đỗ Thị Thanh	Xuân	D23CQKT02-B	3,65		3,65	83	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
985	29	B23DCKT150	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D23CQKT02-B	3,63		3,63	87	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Kế toán
986	30	B23DCKT144	Chu Thị	Nam	D23CQKT04-B	3,52	0,1	3,62	96	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Kế toán
987	31	B23DCKT059	Đỗ Hà	Giang	D23CQKT03-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Kế toán
988	32	B24DCKT149	Nguyễn Thị Thanh	Thu	D24CQKT03-B	3,82		3,82	90	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	Kế toán
989	33	B24DCKT159	Nguyễn Thu	Thùy	D24CQKT01-B	3,57		3,57	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
990	34	B24DCKT144	Vũ Bùi Phương	Thào	D24CQKT02-B	3,53		3,53	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
991	35	B24DCKT091	Nguyễn Thị Phương	Linh	D24CQKT02-B	3,46		3,46	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
992	36	B24DCKT129	Nguyễn Thị Thu	Phượng	D24CQKT03-B	3,46		3,46	91	X.sắc	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
993	37	B24DCKT176	Mai Thị Huyền	Trang	D24CQKT03-B	3,46		3,46	85	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
994	38	B24DCKT120	Trần Thị Ánh	Nguyệt	D24CQKT02-B	3,44		3,44	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
995	39	B24DCKT151	Mai Thanh	Thư	D24CQKT02-B	3,44		3,44	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
996	40	B24DCKT150	Lê Trần Ngọc	Thư	D24CQKT01-B	3,33		3,33	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
997	41	B24DCKT178	Nguyễn Minh	Trang	D24CQKT01-B	3,31		3,31	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
998	42	B24DCKT148	Lê Hoài	Thu	D24CQKT02-B	3,30		3,30	92	X.sắc	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
999	43	B24DCKT094	Trần Thị Thùy	Linh	D24CQKT01-B	3,29		3,29	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
1000	44	B24DCKT160	Phạm Thanh	Thúy	D24CQKT02-B	3,29		3,29	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
1001	45	B24DCKT073	Đỗ Thanh	Huyền	D24CQKT04-B	3,29		3,29	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
1002	46	B24DCKT191	Vũ Thị	Uyên	D24CQKT01-B	3,18	0,1	3,28	94	X.sắc	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
1003	47	B24DCKT169	Đàm Thị	Trang	D24CQKT01-B	3,26		3,26	90	X.sắc	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
1004	48	B24DCKT093	Trần Thị Thu	Linh	D24CQKT04-B	3,26		3,26	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	Kế toán
1005	49	B25DCKT122	Phạm Thị	Quyên	D25CQKT02-B	3,37	0,1	3,47	85	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1006	50	B25DCKT054	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	D25CQKT03-B	3,37		3,37	77	Khá	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1007	51	B25DCKT048	Hoàng Thu	Hằng	D25CQKT03-B	3,33		3,33	91	X.sắc	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1008	52	B25DCKT028	Nguyễn Thị Thu	Hiên	D25CQKT01-B	3,32		3,32	81	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1009	53	B25DCKT067	Trần Hoàng Diệp	Linh	D25CQKT01-B	3,32		3,32	86	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1010	54	B25DCKT079	Hoàng Thị Ngọc	Mai	D25CQKT01-B	3,29		3,29	87	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1011	55	B25DCKT018	Đỗ Thùy	Dung	D25CQKT03-B	3,29		3,29	82	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1012	56	B25DCKT156	Nguyễn Huyền	Trang	D25CQKT03-B	3,27		3,27	86	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1013	57	B25DCKT038	Phạm Ngọc	Hà	D25CQKT02-B	3,25		3,25	75	Khá	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1014	58	B25DCKT049	Lương Thị Thu	Hằng	D25CQKT01-B	3,23		3,23	74	Khá	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1015	59	B25DCKT109	Trần Bảo	Ngọc	D25CQKT01-B	3,23		3,23	83	Tốt	Giỏi	15.592,50	2025	Kế toán
1016	60	B25DCKT023	Mai Thùy	Dương	D25CQKT02-B	3,19		3,19	75	Khá	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1017	61	B25DCKT042	Hoàng Thu	Hương	D25CQKT03-B	3,17		3,17	75	Khá	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1018	62	B25DCKT085	Đoàn Thị	Mai	D25CQKT01-B	3,16		3,16	83	Tốt	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1019	63	B25DCKT157	Nguyễn Thùy	Trang	D25CQKT01-B	3,16		3,16	86	Tốt	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1020	64	B25DCKT052	Hà Ngọc	Khánh	D25CQKT01-B	3,13		3,13	83	Tốt	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
1021	65	B25DCKT030	Trần Sỹ	Hoàng	D25CQKT03-B	3,13		3,13	76	Khá	Khá	14.175,00	2025	Kế toán
<b>Kế toán - Chất lượng cao</b>														

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1022	1	B24DCAC045	Vũ Thanh	Vân	D24CQAC01-B	3,80	0,1	3,90	100	X.sắc	Xuất sắc	28.080,00	2024	Kế toán - CLC
1023	2	B24DCAC030	Nguyễn Quang	Minh	D24CQAC01-B	3,88		3,88	96	X.sắc	Xuất sắc	28.080,00	2024	Kế toán - CLC
1024	3	B24DCAC042	Đào Quỳnh	Trang	D24CQAC01-B	3,40	0,1	3,50	89	Tốt	Giỏi	25.740,00	2024	Kế toán - CLC
1025	4	B25DCKE051	Nguyễn Minh	Trang	D25CQKE01-B	3,61		3,61	84	Tốt	Giỏi	22.275,00	2025	Kế toán - CLC
1026	5	B25DCKE025	Đoàn Khánh	Hòa	D25CQKE01-B	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	22.275,00	2025	Kế toán - CLC
1027	6	B25DCKE011	Ngô Ngọc	Diệp	D25CQKE01-B	3,45		3,45	82	Tốt	Giỏi	22.275,00	2025	Kế toán - CLC
1028	7	B25DCKE001	Lê Thảo	An	D25CQKE01-B	3,27		3,27	89	Tốt	Giỏi	22.275,00	2025	Kế toán - CLC
1029	8	B25DCKE010	Vũ Mạnh	Cường	D25CQKE02-B	3,27		3,27	86	Tốt	Giỏi	22.275,00	2025	Kế toán - CLC
1030	9	B25DCKE032	Nguyễn Hải	Linh	D25CQKE02-B	3,27		3,27	84	Tốt	Giỏi	22.275,00	2025	Kế toán - CLC
<b>Quản trị kinh doanh</b>														
1031	1	B22DCQT138	Trần Thị	Linh	D22QTDN02	3,95	0,1	4,00	91	X.sắc	Xuất sắc	17.328,00	2022	QTKD-DN
1032	2	B22DCQT087	Nguyễn Hữu	Hòa	D22QTDN02	3,97		3,97	84	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1033	3	B22DCQT263	Hà Như	Ý	D22QTLG	3,77	0,15	3,92	87	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-LG
1034	4	B22DCQT119	Phạm Thị Diệu	Lan	D22QTDN01	3,89		3,89	88	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1035	5	B22DCQT069	Nguyễn Thị	Hạnh	D22QTDN02	3,86		3,86	82	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1036	6	B22DCQT046	Trần Thị Mỹ	Duyên	D22QTDN01	3,83		3,83	87	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1037	7	B22DCQT127	Lê Thị	Linh	D22QTDN01	3,83		3,83	90	X.sắc	Xuất sắc	17.328,00	2022	QTKD-DN
1038	8	B22DCQT219	Nguyễn Phương	Thảo	D22QTDN02	3,83		3,83	86	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1039	9	B22DCQT083	Vũ Anh	Hiếu	D22QTLG	3,81		3,81	92	X.sắc	Xuất sắc	17.328,00	2022	QTKD-LG
1040	10	B22DCQT166	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D22QTLG	3,81		3,81	81	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-LG
1041	11	B22DCQT212	Vũ Thị Ánh	Tuyết	D22QTLG	3,81		3,81	90	X.sắc	Xuất sắc	17.328,00	2022	QTKD-LG
1042	12	B22DCQT267	Nguyễn Thị Hải	Yên	D22QTLG	3,80		3,80	85	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-LG
1043	13	B22DCQT074	Nguyễn Lê Ngọc	Hân	D22QTLG	3,79		3,79	85	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-LG
1044	14	B22DCQT233	Đỗ Nguyễn Minh	Thư	D22QTLG	3,64	0,15	3,79	88	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-LG
1045	15	B22DCQT239	Lê Thị	Trang	D22QTDN02	3,75		3,75	83	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1046	16	B22DCQT049	Nguyễn Thị Thuý	Dương	D22QTDN01	3,73		3,73	88	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1047	17	B22DCQT266	Hồ Hải	Yên	D22QTLG	3,58	0,15	3,73	86	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-LG
1048	18	B22DCQT062	Phạm Hương	Giang	D22QTDN01	3,72		3,72	82	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN
1049	19	B22DCQT063	Dương Thị Thu	Hà	D22QTDN02	3,72		3,72	82	Tốt	Giỏi	15.884,00	2022	QTKD-DN

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1050	20	B23DCQT018	Trần Mai	Anh	D23CQQT02-B	3,79	0,2	3,99	93	X.sắc	Xuất sắc	17.340,00	2023	QTKD
1051	21	B23DCQT060	Bùi Thị Hương	Giáng	D23CQQT04-B	3,86		3,86	90	X.sắc	Xuất sắc	17.340,00	2023	QTKD
1052	22	B23DCQT138	Bùi Thị Kim	Mai	D23CQQT02-B	3,64	0,2	3,84	94	X.sắc	Xuất sắc	17.340,00	2023	QTKD
1053	23	B23DCQT079	Phạm Thị Thu	Hiền	D23CQQT03-B	3,69		3,69	89	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1054	24	B23DCQT100	Vũ Quang	Huy	D23CQQT04-B	3,67		3,67	92	X.sắc	Xuất sắc	17.340,00	2023	QTKD
1055	25	B23DCQT223	Mai Phương	Thào	D23CQQT03-B	3,62		3,62	85	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1056	26	B23DCQT157	Nguyễn Thị Thu	Nga	D23CQQT01-B	3,61		3,61	88	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1057	27	B23DCQT160	Vương Tố	Nga	D23CQQT04-B	3,61		3,61	100	X.sắc	Xuất sắc	17.340,00	2023	QTKD
1058	28	B23DCQT040	Nguyễn Trung	Đức	D23CQQT04-B	3,58		3,58	86	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1059	29	B23DCQT245	Nguyễn Duy	Tiến	D23CQQT01-B	3,56		3,56	86	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1060	30	B23DCQT021	Vũ Thị Vân	Anh	D23CQQT02-B	3,55		3,55	83	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1061	31	B23DCQT059	Trần Thị Thu	Duyên	D23CQQT03-B	3,55		3,55	86	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1062	32	B23DCQT259	Nguyễn Thu	Trang	D23CQQT03-B	3,55		3,55	86	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1063	33	B23DCQT126	Trần Khánh	Linh	D23CQQT02-B	3,54		3,54	86	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1064	34	B23DCQT075	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	D23CQQT03-B	3,54		3,54	95	X.sắc	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1065	35	B23DCQT228	Phùng Phương	Thào	D23CQQT04-B	3,54		3,54	82	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1066	36	B23DCQT169	Nguyễn Thị Huyền	Ngọc	D23CQQT01-B	3,41	0,1	3,51	90	X.sắc	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1067	37	B23DCQT261	Phạm Thị Huyền	Trang	D23CQQT01-B	3,51		3,51	89	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1068	38	B23DCQT252	Lê Quỳnh	Trang	D23CQQT02-B	3,51		3,51	87	Tốt	Giỏi	15.895,00	2023	QTKD
1069	39	B24DCQT156	Nguyễn Thị Minh	Phương	D24CQQT04-B	3,80		3,80	85	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1070	40	B24DCQT074	Nguyễn Duy	Hiếu	D24CQQT02-B	3,69		3,69	94	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	QTKD
1071	41	B24DCQT071	Trần Thị	Hiền	D24CQQT03-B	3,69		3,69	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1072	42	B24DCQT203	Nguyễn Thị Thu	Thùy	D24CQQT03-B	3,69		3,69	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1073	43	B24DCQT079	Nguyễn Phi	Hùng	D24CQQT03-B	3,67		3,67	88	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1074	44	B24DCQT112	Nguyễn Phương	Linh	D24CQQT04-B	3,66		3,66	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1075	45	B24DCQT051	Trịnh Thế	Duy	D24CQQT03-B	3,65		3,65	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1076	46	B24DCQT015	Phạm Thị Lan	Anh	D24CQQT03-B	3,55	0,1	3,65	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1077	47	B24DCQT061	Nguyễn Thị Thanh	Hải	D24CQQT01-B	3,64		3,64	94	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	QTKD
1078	48	B24DCQT191	Nguyễn Thị Kim	Thu	D24CQQT03-B	3,54	0,1	3,64	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1079	49	B24DCQT109	Hoàng Khánh	Linh	D24CQQT01-B	3,63		3,63	86	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1080	50	B24DCQT104	Nguyễn Thị Thanh	Lam	D24CQQT04-B	3,61		3,61	91	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	QTKD
1081	51	B24DCQT137	Tạ Thị Hồng	Ngọc	D24CQQT01-B	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1082	52	B24DCQT098	Nguyễn Thu	Huyền	D24CQQT02-B	3,59		3,59	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1083	53	B24DCQT020	Trương Ngọc	Anh	D24CQQT04-B	3,56		3,56	91	X.sắc	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1084	54	B24DCQT089	Nguyễn Thị	Hương	D24CQQT01-B	3,51		3,51	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1085	55	B24DCQT133	Đào Thị Hồng	Ngọc	D24CQQT01-B	3,51		3,51	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1086	56	B24DCQT012	Nguyễn Thị Vân	Anh	D24CQQT04-B	3,51		3,51	84	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1087	57	B24DCQT186	Phạm Thị Phương	Thảo	D24CQQT02-B	3,48		3,48	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1088	58	B24DCQT043	Hoàng Thùy	Dương	D24CQQT03-B	3,48		3,48	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	QTKD
1089	59	B25DCQT099	Nguyễn Thanh	Mai	D25CQQT03-B	3,74		3,74	83	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1090	60	B25DCQT138	Phạm Bảo	Nhung	D25CQQT02-B	3,59		3,59	74	Khá	Khá	9.020,00	2025	QTKD
1091	61	B25DCQT158	Trần Trung	Thành	D25CQQT02-B	3,55		3,55	81	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1092	62	B25DCQT108	Phạm Ngọc Đức	Minh	D25CQQT04-B	3,54		3,54	76	Khá	Khá	9.020,00	2025	QTKD
1093	63	B25DCQT162	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D25CQQT02-B	3,36	0,1	3,46	84	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1094	64	B25DCQT098	Mẫn Thị	Mai	D25CQQT02-B	3,45		3,45	80	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1095	65	B25DCQT176	Đỗ Bảo	Trâm	D25CQQT04-B	3,45		3,45	78	Khá	Khá	9.020,00	2025	QTKD
1096	66	B25DCQT156	La Thị Minh	Thu	D25CQQT04-B	3,41		3,41	82	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1097	67	B25DCQT111	Nguyễn Thị Trà	My	D25CQQT03-B	3,40		3,40	86	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1098	68	B25DCQT208	Lê Minh	Đức	D25CQQT04-B	3,37		3,37	80	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1099	69	B25DCQT089	Vũ Thị Thùy	Linh	D25CQQT01-B	3,36		3,36	81	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1100	70	B25DCQT092	Nguyễn Khánh	Ly	D25CQQT04-B	3,36		3,36	80	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1101	71	B25DCQT191	Đặng Quế	Vy	D25CQQT03-B	3,32		3,32	78	Khá	Khá	9.020,00	2025	QTKD
1102	72	B25DCQT014	Phạm Quỳnh	Anh	D25CQQT02-B	3,31		3,31	73	Khá	Khá	9.020,00	2025	QTKD
1103	73	B25DCQT032	Tô Thùy	Duyên	D25CQQT04-B	3,31		3,31	83	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1104	74	B25DCQT180	Nguyễn Thiên	Tâm	D25CQQT04-B	3,31		3,31	84	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1105	75	B25DCQT057	Hoàng Thanh	Huyền	D25CQQT01-B	3,27		3,27	91	X.sắc	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1106	76	B25DCQT038	Nguyễn Quý Hoàng	Giang	D25CQQT02-B	3,27		3,27	82	Tốt	Giỏi	9.922,00	2025	QTKD
1107	77	B25DCQT159	Phương Mai	Thùy	D25CQQT03-B	3,25		3,25	78	Khá	Khá	9.020,00	2025	QTKD

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
<b>Marketing</b>														
1108	1	B22DCMR078	Nguyễn Hương	Giang	D22PMR01	3,84		3,84	87	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1109	2	B22DCMR089	Nguyễn Thị	Hà	D22IMR01	3,83		3,83	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1110	3	B22DCMR105	Nguyễn Thị	Hân	D22IMR01	3,81		3,81	92	X.sắc	Xuất sắc	14.592,00	2022	Marketing-IMR
1111	4	B22DCMR161	Hoàng Mai	Linh	D22PMR01	3,72		3,72	88	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1112	5	B22DCMR034	Đỗ Quốc	Báo	D22IMR01	3,69		3,69	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1113	6	B22DCMR028	Trịnh Trần Văn	Anh	D22IMR02	3,69		3,69	84	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1114	7	B22DCMR120	Dương Hồng	Huế	D22IMR02	3,69		3,69	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1115	8	B22DCMR094	Nguyễn Vũ	Hải	D22IMR01	3,68		3,68	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1116	9	B22DCMR102	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	D22IMR01	3,68		3,68	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1117	10	B22DCMR275	Phí Nguyễn Anh	Tuấn	D22PMR02	3,68		3,68	84	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1118	11	B22DCMR046	Nguyễn Thị Việt	Chinh	D22IMR01	3,67		3,67	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1119	12	B22DCMR140	Hoàng Thị	Hương	D22IMR02	3,67		3,67	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1120	13	B22DCMR307	Hà Mạnh	Thư	D22IMR02	3,66		3,66	87	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1121	14	B22DCMR341	Nguyễn Ngọc	Vương	D22PMR01	3,66		3,66	90	X.sắc	Xuất sắc	14.592,00	2022	Marketing-PMR
1122	15	B22DCMR182	Nguyễn Bạch Phương	Ly	D22IMR01	3,65		3,65	87	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1123	16	B22DCMR212	Nguyễn Thị	Nga	D22IMR02	3,64		3,64	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1124	17	B22DCMR305	Trần Thị Phương	Thúy	D22IMR01	3,63		3,63	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-IMR
1125	18	B22DCMR097	Nguyễn Thị	Hạnh	D22PMR01	3,62		3,62	95	X.sắc	Xuất sắc	14.592,00	2022	Marketing-PMR
1126	19	B22DCMR020	Nguyễn Thị Giang	Anh	D22PMR02	3,51	0,1	3,61	89	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1127	20	B22DCMR146	Nguyễn Lý Tuấn	Kiệt	D22PMR01	3,60		3,60	84	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1128	21	B22DCMR160	Dương Trần Ngọc	Linh	D22PMR02	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1129	22	B22DCMR276	Trần Anh	Tuấn	D22PMR02	3,56		3,56	87	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	Marketing-PMR
1130	23	B23DCMR367	Nguyễn Ánh	Tuyết	D23CQMR02-B	3,75	0,15	3,90	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1131	24	B23DCMR136	Phạm Thúy	Hồng	D23CQMR01-B	3,80		3,80	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1132	25	B23DCMR307	Ngô Phương	Thào	D23CQMR02-B	3,79		3,79	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1133	26	B23DCMR213	Phan Trọng	Mạnh	D23CQMR03-B	3,74		3,74	93	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1134	27	B23DCMR229	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D23CQMR04-B	3,73		3,73	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1135	28	B23DCMR262	Bùi Hồng	Phúc	D23CQMR02-B	3,72		3,72	84	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1136	29	B23DCMR108	Phan Thị Vân	Hằng	D23CQMR03-B	3,71		3,71	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1137	30	B23DCMR223	Phan Quý Phương	Nam	D23CQMR03-B	3,61	0,1	3,71	100	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1138	31	B23DCMR322	Cao Thị	Thu	D23CQMR02-B	3,70		3,70	85	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1139	32	B23DCMR374	Phan Hoàng Hà	Vi	D23CQMR04-B	3,69		3,69	86	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1140	33	B23DCMR039	Hà Ngọc	Ánh	D23CQMR04-B	3,68		3,68	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1141	34	B23DCMR149	Trần Thu	Hường	D23CQMR04-B	3,56	0,1	3,66	97	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1142	35	B23DCMR176	Lê Phương	Linh	D23CQMR01-B	3,65		3,65	88	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1143	36	B23DCMR352	Vũ Thu	Trang	D23CQMR02-B	3,55	0,1	3,65	84	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1144	37	B23DCMR347	Trần Thị Huyền	Trang	D23CQMR02-B	3,54	0,1	3,64	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1145	38	B23DCMR146	Vũ Thị Lan	Hương	D23CQMR01-B	3,63		3,63	87	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1146	39	B23DCMR172	Chu Thị Phương	Linh	D23CQMR02-B	3,63		3,63	82	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1147	40	B23DCMR169	Giản Thị Thái	Lành	D23CQMR04-B	3,62		3,62	88	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1148	41	B23DCMR047	Nguyễn Thị	Bình	D23CQMR02-B	3,61		3,61	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1149	42	B23DCMR210	Phùng Thị Tuyết	Mai	D23CQMR05-B	3,61		3,61	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	Marketing
1150	43	B23DCMR295	Nguyễn Thị	Thắm	D23CQMR05-B	3,60		3,60	89	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1151	44	B23DCMR211	Trần Thanh	Mai	D23CQMR01-B	3,59		3,59	85	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1152	45	B23DCMR148	Nguyễn Thế Thu	Hường	D23CQMR03-B	3,59		3,59	85	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	Marketing
1153	46	B24DCMR142	Vũ Trần Tuyết	Ngân	D24CQMR02-B	3,79		3,79	83	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1154	47	B24DCMR090	Lưu Đan	Huy	D24CQMR02-B	3,76		3,76	86	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1155	48	B24DCMR147	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	D24CQMR03-B	3,76		3,76	92	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	Marketing
1156	49	B24DCMR027	Ngô Thị	Ánh	D24CQMR03-B	3,69		3,69	86	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1157	50	B24DCMR228	Nguyễn Thị Tô	Uyên	D24CQMR04-B	3,66		3,66	86	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1158	51	B24DCMR064	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	D24CQMR04-B	3,56	0,1	3,66	89	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1159	52	B24DCMR039	Vũ Tiến	Đạt	D24CQMR03-B	3,65		3,65	84	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1160	53	B24DCMR013	Nguyễn Thị Hồng	Anh	D24CQMR01-B	3,64		3,64	93	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	Marketing
1161	54	B24DCMR121	Nguyễn Thị Thanh	Lụa	D24CQMR01-B	3,54	0,1	3,64	97	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	Marketing
1162	55	B24DCMR010	Nguyễn Phương	Anh	D24CQMR02-B	3,53	0,1	3,63	85	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1163	56	B24DCMR167	Chu Minh	Quân	D24CQMR03-B	3,62		3,62	84	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1164	57	B24DCMR194	Hoàng Anh	Thư	D24CQMR02-B	3,61		3,61	85	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1165	58	B24DCMR173	Quảng Ngọc	Quý	D24CQMR01-B	3,56		3,56	83	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1166	59	B24DCMR063	Nguyễn Thu	Hằng	D24CQMR03-B	3,55		3,55	82	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1167	60	B24DCMR085	Nguyễn Thu	Hương	D24CQMR01-B	3,53		3,53	88	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1168	61	B24DCMR098	Bùi Văn	Khoa	D24CQMR02-B	3,53		3,53	84	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1169	62	B24DCMR199	Bùi Thị Phương	Thúy	D24CQMR03-B	3,53		3,53	81	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1170	63	B24DCMR169	Nguyễn Bá	Quân	D24CQMR01-B	3,52		3,52	80	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1171	64	B24DCMR105	Đoàn Thị	Linh	D24CQMR01-B	3,51		3,51	93	X.sắc	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1172	65	B24DCMR237	Nguyễn Thị	Xuyến	D24CQMR01-B	3,51		3,51	87	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1173	66	B24DCMR112	Nguyễn Hải	Linh	D24CQMR04-B	3,51		3,51	86	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	Marketing
1174	67	B25DCMR205	Nguyễn Hoàng Đoàn	Trang	D25CQMR01-B	3,86		3,86	87	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1175	68	B25DCMR194	Nguyễn Thị Phương	Thào	D25CQMR02-B	3,86		3,86	97	X.sắc	Xuất sắc	15.876,00	2025	Marketing
1176	69	B25DCMR033	Đào Khánh	Chi	D25CQMR01-B	3,80		3,80	86	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1177	70	B25DCMR001	Chu Ngọc	An	D25CQMR01-B	3,64	0,1	3,74	94	X.sắc	Xuất sắc	15.876,00	2025	Marketing
1178	71	B25DCMR210	Ngô Thị Huyền	Trang	D25CQMR02-B	3,73		3,73	87	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1179	72	B25DCMR017	Trần Thị	Anh	D25CQMR01-B	3,72		3,72	84	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1180	73	B25DCMR013	Phùng Hà Phương	Anh	D25CQMR01-B	3,71		3,71	84	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1181	74	B25DCMR003	Lê Tú	Anh	D25CQMR03-B	3,60	0,1	3,70	91	X.sắc	Xuất sắc	15.876,00	2025	Marketing
1182	75	B25DCMR090	Nguyễn Thị Tuyết	Hồng	D25CQMR02-B	3,69		3,69	86	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1183	76	B25DCMR152	Nguyễn Hồng	Nhung	D25CQMR04-B	3,66		3,66	84	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1184	77	B25DCMR099	Hà Thị Kiều	Linh	D25CQMR03-B	3,64		3,64	84	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1185	78	B25DCMR236	Phùng Thị Hồng	Xuyến	D25CQMR04-B	3,64		3,64	82	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1186	79	B25DCMR154	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D25CQMR02-B	3,61		3,61	86	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1187	80	B25DCMR220	Trần Hoàng Hải	Trúc	D25CQMR04-B	3,61		3,61	83	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1188	81	B25DCMR209	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D25CQMR01-B	3,60		3,60	87	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1189	82	B25DCMR213	Trần Thị Mai	Trang	D25CQMR01-B	3,59		3,59	94	X.sắc	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1190	83	B25DCMR101	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	D25CQMR01-B	3,58		3,58	86	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1191	84	B25DCMR122	Nguyễn Nguyệt	Minh	D25CQMR02-B	3,58		3,58	82	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1192	85	B25DCMR103	Nguyễn Ngọc	Linh	D25CQMR03-B	3,58		3,58	82	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
1193	86	B25DCMR167	Trần Thu	Phương	D25CQMR03-B	3,57		3,57	82	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1194	87	B25DCMR156	Ngô Quỳnh	Như	D25CQMR04-B	3,57		3,57	83	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	Marketing
<b>Marketing - CLC</b>														
1195	1	B23DCMR005	Trần Thị Thùy	An	D23CQME01-B	3,65		3,65	90	X.sắc	Xuất sắc	25.500,00	2023	Marketing-CLC
1196	2	B24DCME060	Nguyễn Thùy	Linh	D24CQME01-B	3,80	0,1	3,90	96	X.sắc	Xuất sắc	31.200,00	2024	Marketing-CLC
1197	3	B24DCME100	Lê Linh	Trâm	D24CQME02-B	3,73	0,1	3,83	93	X.sắc	Xuất sắc	31.200,00	2024	Marketing-CLC
1198	4	B24DCME076	Vũ Trần	Phong	D24CQME02-B	3,68		3,68	88	Tốt	Giỏi	28.600,00	2024	Marketing-CLC
1199	5	B24DCME088	Phạm Minh	Thái	D24CQME02-B	3,68		3,68	95	X.sắc	Xuất sắc	31.200,00	2024	Marketing-CLC
1200	6	B24DCME103	Tạ Thị	Trang	D24CQME01-B	3,60		3,60	89	Tốt	Giỏi	28.600,00	2024	Marketing-CLC
1201	7	B24DCME112	Lê Thành	Vinh	D24CQME02-B	3,43	0,1	3,53	90	X.sắc	Giỏi	28.600,00	2024	Marketing-CLC
1202	8	B24DCME053	Lê Thanh	Huyền	D24CQME03-B	3,43	0,1	3,53	91	X.sắc	Giỏi	28.600,00	2024	Marketing-CLC
1203	9	B24DCME031	Phùng Thị Thùy	Dung	D24CQME02-B	3,50		3,50	89	Tốt	Giỏi	28.600,00	2024	Marketing-CLC
1204	10	B24DCME098	Phan Minh	Thu	D24CQME03-B	3,48		3,48	86	Tốt	Giỏi	28.600,00	2024	Marketing-CLC
1205	11	B25DCME129	Nguyễn Trần Trung	Đức	D25CQME03-B	3,69		3,69	90	X.sắc	Xuất sắc	29.160,00	2025	Marketing-CLC
1206	12	B25DCME024	Mai Huy	Cánh	D25CQME03-B	3,51		3,51	81	Tốt	Giỏi	26.730,00	2025	Marketing-CLC
1207	13	B25DCME060	Đặng Khánh	Ly	D25CQME03-B	3,48		3,48	84	Tốt	Giỏi	26.730,00	2025	Marketing-CLC
1208	14	B25DCME030	Lê Thùy	Dương	D25CQME03-B	3,46		3,46	72	Khá	Khá	24.300,00	2025	Marketing-CLC
1209	15	B25DCME052	Nguyễn Thị Khánh	Linh	D25CQME01-B	3,28	0,1	3,38	87	Tốt	Giỏi	26.730,00	2025	Marketing-CLC
1210	16	B25DCME051	Nguyễn Khánh	Linh	D25CQME03-B	3,36		3,36	76	Khá	Khá	24.300,00	2025	Marketing-CLC
1211	17	B25DCME124	Nguyễn Linh	Đan	D25CQME01-B	3,34		3,34	74	Khá	Khá	24.300,00	2025	Marketing-CLC
1212	18	B25DCME057	Nguyễn Phúc Bảo	Long	D25CQME03-B	3,31		3,31	70	Khá	Khá	24.300,00	2025	Marketing-CLC
1213	19	B25DCME072	Trần Ngọc	Mạnh	D25CQME03-B	3,25		3,25	78	Khá	Khá	24.300,00	2025	Marketing-CLC
1214	20	B25DCME093	Đào Thị Minh	Thu	D25CQME03-B	3,24		3,24	83	Tốt	Giỏi	26.730,00	2025	Marketing-CLC
1215	21	B25DCME111	Đặng Quỳnh	Trinh	D25CQME03-B	3,23		3,23	86	Tốt	Giỏi	26.730,00	2025	Marketing-CLC
<b>Thương mại điện tử</b>														
1216	1	B22DCTM027	Nguyễn Hồng	Hạnh	D22CQTM01-B	3,71	0,2	3,91	87	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMDT
1217	2	B22DCTM015	Nguyễn Thị	Diệu	D22CQTM01-B	3,79	0,1	3,89	89	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMDT
1218	3	B22DCTM080	Nguyễn Minh	Phong	D22CQTM02-B	3,74	0,15	3,89	92	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	TMDT
1219	4	B22DCTM065	Phuong Thị Tuyết	Mai	D22CQTM01-B	3,78	0,1	3,88	89	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMDT
1220	5	B22DCTM054	Nguyễn Khánh	Linh	D22CQTM02-B	3,72	0,15	3,87	88	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMDT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1221	6	B22DCTM023	Trịnh Thị Ngọc	Điệp	D22CQTM01-B	3,64	0,2	3,84	88	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMĐT
1222	7	B22DCTM039	Vũ Thu	Huyền	D22CQTM01-B	3,63	0,2	3,83	91	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	TMĐT
1223	8	B22DCTM013	Nguyễn Quang	Chiến	D22CQTM01-B	3,58	0,2	3,78	86	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMĐT
1224	9	B22DCTM046	Đậu Văn	Khánh	D22CQTM02-B	3,61	0,15	3,76	88	Tốt	Giỏi	15.048,00	2022	TMĐT
1225	10	B22DCTM119	Lê Hoàng	Vũ	D22CQTM01-B	3,59	0,1	3,69	91	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	TMĐT
1226	11	B22DCTM040	Nguyễn Duy	Hung	D22CQTM02-B	3,62		3,62	90	X.sắc	Xuất sắc	16.416,00	2022	TMĐT
1227	12	B23DCTM066	Bùi Tuấn	Linh	D23CQTM03-B	3,88	0,2	4,00	94	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1228	13	B23DCTM082	Chu Hoa	My	D23CQTM01-B	3,93		3,93	97	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1229	14	B23DCTM109	Lưu Thị	Tâm	D23CQTM01-B	3,92		3,92	100	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1230	15	B23DCTM014	Bùi Thị Kim	Chi	D23CQTM02-B	3,72		3,72	92	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1231	16	B23DCTM102	Nguyễn Hồng	Phuong	D23CQTM03-B	3,71		3,71	85	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	TMĐT
1232	17	B23DCTM004	Nguyễn Thị	Anh	D23CQTM01-B	3,69		3,69	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1233	18	B23DCTM033	Chúc Hương	Giang	D23CQTM03-B	3,69		3,69	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	TMĐT
1234	19	B23DCTM008	Trần Thị Kiều	Anh	D23CQTM02-B	3,67		3,67	93	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1235	20	B23DCTM121	Đỗ Văn	Tiến	D23CQTM01-B	3,52	0,1	3,62	94	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1236	21	B23DCTM010	Nguyễn Ngọc	Ánh	D23CQTM01-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1237	22	B23DCTM072	Phạm Khánh	Linh	D23CQTM03-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	TMĐT
1238	23	B24DCTM050	Phạm Thị Thu	Hương	D24CQTM02-B	3,94		3,94	94	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1239	24	B24DCTM137	Phạm Thùy	Trang	D24CQTM02-B	3,93		3,93	98	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1240	25	B23DCTM123	Bùi Thu	Trang	D24CQTM03-B	3,93		3,93	86	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	TMĐT
1241	26	B24DCTM015	Khúc Xuân	Bách	D24CQTM03-B	3,87		3,87	93	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1242	27	B24DCTM077	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	D24CQTM02-B	3,79		3,79	91	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1243	28	B24DCTM139	Thái Thùy	Trang	D24CQTM01-B	3,68	0,1	3,78	93	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1244	29	B24DCTM096	Thái Lê Hoàng	Ngân	D24CQTM03-B	3,76		3,76	89	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	TMĐT
1245	30	B24DCTM134	Nguyễn Đào Huyền	Trang	D24CQTM02-B	3,74		3,74	93	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1246	31	B24DCTM066	Hoàng Diệu	Linh	D24CQTM03-B	3,72		3,72	88	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	TMĐT
1247	32	B24DCTM035	Nguyễn Quang	Hà	D24CQTM02-B	3,71		3,71	88	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	TMĐT
1248	33	B24DCTM003	Lê Thị Lan	Anh	D24CQTM03-B	3,64		3,64	93	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMĐT
1249	34	B24DCTM055	Trần Thu	Huyền	D24CQTM01-B	3,62		3,62	86	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	TMĐT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1250	35	B24DCTM008	Nguyễn Việt	Anh	D24CQTM02-B	3,51	0,1	3,61	96	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	TMDT
1251	36	B25DCTM111	Đình Thị Hà	Phuong	D25CQTM03-B	3,71		3,71	86	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1252	37	B25DCTM112	Vũ Minh	Phước	D25CQTM01-B	3,58		3,58	91	X.sắc	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1253	38	B25DCTM024	Nghiêm Văn Khánh	Duy	D25CQTM03-B	3,55		3,55	82	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1254	39	B25DCTM077	Vũ Mai Thuý	Linh	D25CQTM02-B	3,54		3,54	85	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1255	40	B25DCTM120	Đình Thị Như	Quỳnh	D25CQTM03-B	3,50		3,50	83	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1256	41	B25DCTM017	Ngo Quyết	Chiến	D25CQTM02-B	3,46		3,46	88	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1257	42	B25DCTM069	Hoàng Thị Thùy	Linh	D25CQTM03-B	3,46		3,46	88	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1258	43	B25DCTM037	Hà Duy	Hiếu	D25CQTM01-B	3,45		3,45	80	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1259	44	B25DCTM042	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	D25CQTM03-B	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1260	45	B25DCTM060	Bùi Thị Thanh	Hằng	D25CQTM03-B	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1261	46	B25DCTM003	Luyện Trần Bảo	Anh	D25CQTM03-B	3,35	0,1	3,45	84	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1262	47	B25DCTM047	Nguyễn Thanh	Huyền	D25CQTM02-B	3,41		3,41	87	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1263	48	B25DCTM093	Nguyễn Thúy	Nga	D25CQTM03-B	3,41		3,41	85	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1264	49	B25DCTM013	Bùi Thị	Bích	D25CQTM01-B	3,40		3,40	92	X.sắc	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
1265	50	B25DCTM108	Khiếu Đặng Hà	Phuong	D25CQTM03-B	3,40		3,40	84	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TMDT
<b>Công nghệ tài chính</b>														
1266	1	B21DCTC054	Nguyễn Thanh	Huyền	D22CQTC02-B	3,65	0,2	3,85	92	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	CN Tài chính
1267	2	B22DCTC094	Hoàng Đức	Tôn	D22CQTC02-B	3,44	0,3	3,74	89	Tốt	Giỏi	14.212,00	2022	CN Tài chính
1268	3	B22DCTC081	Lương Thiên	Phúc	D22CQTC01-B	3,53	0,2	3,73	89	Tốt	Giỏi	14.212,00	2022	CN Tài chính
1269	4	B22DCTC064	Đỗ Hải	Long	D22CQTC02-B	3,71		3,71	96	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	CN Tài chính
1270	5	B22DCTC041	Phan Công	Hiếu	D22CQTC01-B	3,69		3,69	83	Tốt	Giỏi	14.212,00	2022	CN Tài chính
1271	6	B22DCTC026	Nguyễn Thuý	Dương	D22CQTC02-B	3,69		3,69	83	Tốt	Giỏi	14.212,00	2022	CN Tài chính
1272	7	B22DCTC054	Nguyễn Thu	Huyền	D22CQTC02-B	3,69		3,69	82	Tốt	Giỏi	14.212,00	2022	CN Tài chính
1273	8	B22DCTC096	Nguyễn Anh	Tuấn	D22CQTC02-B	3,67		3,67	84	Tốt	Giỏi	14.212,00	2022	CN Tài chính
1274	9	B22DCTC049	Nguyễn Thị Kim	Huệ	D22CQTC01-B	3,65		3,65	93	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	CN Tài chính
1275	10	B22DCTC092	Nguyễn Chí	Tiến	D22CQTC02-B	3,65		3,65	91	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	CN Tài chính
1276	11	B23DCTC014	Nguyễn Quốc	Bảo	D23CQTC02-B	3,87		3,87	83	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	CN Tài chính
1277	12	B23DCTC124	Nguyễn Duy	Vũ	D23CQTC02-B	3,84		3,84	86	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	CN Tài chính

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1278	13	B23DCTC070	Vũ Tuấn	Minh	D23CQTC02-B	3,79		3,79	85	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	CN Tài chính
1279	14	B23DCTC081	Vũ Thị Hà	Nhi	D23CQTC01-B	3,78		3,78	92	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1280	15	B23DCTC073	Nguyễn Đăng Hằng	Nga	D23CQTC01-B	3,74		3,74	92	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1281	16	B23DCTC103	Nguyễn Thị Thúy	Toàn	D23CQTC01-B	3,71		3,71	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1282	17	B23DCTC126	Nguyễn Thị	Yến	D23CQTC02-B	3,71		3,71	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1283	18	B23DCTC095	Châu Tuấn	Thành	D23CQTC01-B	3,64		3,64	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1284	19	B23DCTC088	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	D23CQTC02-B	3,63		3,63	95	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1285	20	B23DCTC019	Trần Đức	Cường	D23CQTC01-B	3,62		3,62	99	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	CN Tài chính
1286	21	B24DCTC035	Nguyễn Thu	Hiếu	D24CQTC01-B	3,72		3,72	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1287	22	B24DCTC100	Nguyễn Anh	Thư	D24CQTC01-B	3,65		3,65	93	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	CN Tài chính
1288	23	B24DCTC048	Đặng Thu	Huyền	D24CQTC02-B	3,50	0,1	3,60	91	X.sắc	Xuất sắc	19.872,00	2024	CN Tài chính
1289	24	B24DCTC103	Nguyễn Bảo	Trâm	D24CQTC01-B	3,47	0,1	3,57	98	X.sắc	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1290	25	B24DCTC008	Đinh Thị Ngọc	Ánh	D24CQTC02-B	3,54		3,54	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1291	26	B24DCTC097	Lê Thị	Thu	D24CQTC01-B	3,44	0,1	3,54	87	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1292	27	B24DCTC040	Nguyễn Lân	Hùng	D24CQTC02-B	3,45		3,45	83	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1293	28	B24DCTC111	Nguyễn Hữu	Trung	D24CQTC01-B	3,43		3,43	82	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1294	29	B24DCTC052	Nguyễn Đức	Khôi	D24CQTC02-B	3,43		3,43	81	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1295	30	B24DCTC078	Bùi Thị	Nguyên	D24CQTC02-B	3,43		3,43	85	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1296	31	B24DCTC014	Nguyễn Mai	Chi	D24CQTC02-B	3,26	0,1	3,36	86	Tốt	Giỏi	18.216,00	2024	CN Tài chính
1297	32	B25DCTC127	Nguyễn Bảo	Trâm	D25CQTC01-B	3,71		3,71	97	X.sắc	Xuất sắc	13.608,00	2025	CN Tài chính
1298	33	B25DCTC133	Hoàng Vũ Quốc	Tuấn	D25CQTC01-B	3,71		3,71	89	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1299	34	B25DCTC066	Trương Khánh	Linh	D25CQTC03-B	3,54	0,1	3,64	94	X.sắc	Xuất sắc	13.608,00	2025	CN Tài chính
1300	35	B25DCTC021	Phạm Linh	Chi	D25CQTC03-B	3,63		3,63	80	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1301	36	B25DCTC063	Mai Tuệ	Linh	D25CQTC03-B	3,63		3,63	81	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1302	37	B25DCTC141	Lê Phi	Vũ	D25CQTC03-B	3,63		3,63	86	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1303	38	B25DCTC012	Tống Quỳnh	Anh	D25CQTC03-B	3,50	0,1	3,60	92	X.sắc	Xuất sắc	13.608,00	2025	CN Tài chính
1304	39	B25DCTC094	Trần Như	Ngọc	D25CQTC01-B	3,58		3,58	90	X.sắc	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1305	40	B25DCTC124	Vũ Thị Thùy	Trang	D25CQTC01-B	3,58		3,58	85	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1306	41	B25DCTC022	Trịnh Minh	Châu	D25CQTC01-B	3,53		3,53	82	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1307	42	B25DCTC023	Đặng Minh	Châu	D25CQTC02-B	3,53		3,53	88	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1308	43	B25DCTC048	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	D25CQTC03-B	3,53		3,53	86	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
1309	44	B25DCTC086	Lã Minh	Nguyệt	D25CQTC02-B	3,50		3,50	85	Tốt	Giỏi	12.474,00	2025	CN Tài chính
<b>Báo chí</b>														
1310	1	B22DCBC022	Nguyễn Phương	Huyền	D22CQBC01-B	3,93		3,93	97	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	Báo chí
1311	2	B22DCBC043	Trần Thị Minh	Nguyệt	D22CQBC01-B	3,78	0,1	3,88	95	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	Báo chí
1312	3	B22DCBC050	Lê Thanh	Tâm	D22CQBC01-B	3,78		3,78	95	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	Báo chí
1313	4	B22DCBC031	Nguyễn Thùy	Linh	D22CQBC01-B	3,69		3,69	92	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	Báo chí
1314	5	B22DCBC026	Mai Thị Quỳnh	Hương	D22CQBC01-B	3,58	0,1	3,68	92	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	Báo chí
1315	6	B22DCBC062	Nguyễn Thị	Xuân	D22CQBC01-B	3,63		3,63	92	X.sắc	Xuất sắc	15.504,00	2022	Báo chí
1316	7	B23DCBC055	Trần Thị Thanh	Tâm	D23CQBC01-B	3,73		3,73	92	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Báo chí
1317	8	B23DCBC069	Nguyễn Thị Hải	Yến	D23CQBC01-B	3,66		3,66	90	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Báo chí
1318	9	B22DCBC007	Phạm Mai Ngọc	Anh	D23CQBC01-B	3,62		3,62	92	X.sắc	Xuất sắc	18.360,00	2023	Báo chí
1319	10	B23DCBC003	Đỗ Thị Minh	Anh	D23CQBC01-B	3,62		3,62	84	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Báo chí
1320	11	B23DCBC059	Ngô Quỳnh	Thu	D23CQBC01-B	3,62		3,62	86	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Báo chí
1321	12	B23DCBC035	La Diệu	Linh	D23CQBC01-B	3,59		3,59	81	Tốt	Giỏi	16.830,00	2023	Báo chí
1322	13	B24DCBC046	Nguyễn Thị Đăng	Ly	D24CQBC02-B	3,77		3,77	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1323	14	B24DCBC068	Tăng Xuân	Thái	D24CQBC02-B	3,73		3,73	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1324	15	B24DCBC016	Chu Thị Kim	Dung	D24CQBC02-B	3,71		3,71	100	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1325	16	B24DCBC065	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D24CQBC01-B	3,61	0,1	3,71	95	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1326	17	B24DCBC074	Lương Thị Hạ	Thư	D24CQBC02-B	3,60	0,1	3,70	95	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1327	18	B24DCBC092	Đào Thị	Yến	D24CQBC02-B	3,67		3,67	90	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1328	19	B24DCBC059	Nguyễn Thị Bích	Phương	D24CQBC01-B	3,57	0,1	3,67	93	X.sắc	Xuất sắc	20.976,00	2024	Báo chí
1329	20	B25DCBC093	Phạm Thị Hải	Yến	D25CQBC01-B	3,75	0,1	3,85	92	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	Báo chí
1330	21	B25DCBC062	Bùi Vân	Nhung	D25CQBC02-B	3,82		3,82	87	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	Báo chí
1331	22	B25DCBC094	Lê Nguyệt	Ánh	D25CQBC02-B	3,81		3,81	92	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	Báo chí
1332	23	B25DCBC052	Thân Thùy	My	D25CQBC02-B	3,74		3,74	89	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	Báo chí
1333	24	B25DCBC002	Lê Sơn	Anh	D25CQBC02-B	3,71		3,71	90	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	Báo chí
1334	25	B25DCBC023	Ngô Thị Quỳnh	Giao	D25CQBC01-B	3,70		3,70	91	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	Báo chí

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1335	26	B25DCBC060	Trần Thị	Ngọc	D25CQBC02-B	3,68		3,68	88	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	Báo chí
1336	27	B25DCBC040	Phạm Phương	Linh	D25CQBC02-B	3,65		3,65	91	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	Báo chí
<b>Truyền thông Đa phương tiện</b>														
1337	1	B22DCTT054	Bùi Thị Thùy	Linh	D22CQTT02-B	3,84		3,84	85	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1338	2	B22DCTT010	Trần Minh	Anh	D22CQTT02-B	3,79		3,79	91	X.sắc	Xuất sắc	14.592,00	2022	TT ĐPT
1339	3	B22DCTT120	Nguyễn Thị	Thương	D22CQTT02-B	3,79		3,79	88	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1340	4	B22DCTT035	Nguyễn Thanh	Hằng	D22CQTT01-B	3,78		3,78	84	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1341	5	B22DCTT062	Nguyễn Thùy	Linh	D22CQTT02-B	3,78		3,78	80	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1342	6	B22DCTT080	Nguyễn Ngọc	Nga	D22CQTT02-B	3,78		3,78	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1343	7	B22DCTT124	Nguyễn Thị Hồng	Trang	D22CQTT02-B	3,78		3,78	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1344	8	B22DCTT057	Đoàn Khánh	Linh	D22CQTT01-B	3,77		3,77	83	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1345	9	B22DCTT061	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	D22CQTT01-B	3,77		3,77	88	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1346	10	B22DCTT075	Đỗ Phương	Nam	D22CQTT01-B	3,77		3,77	89	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1347	11	B22DCTT068	Phùng Duy	Lương	D22CQTT02-B	3,77		3,77	84	Tốt	Giỏi	13.376,00	2022	TT ĐPT
1348	12	B22DCTT130	Trần Thị	Xuân	D22CQTT02-B	3,74		3,74	95	X.sắc	Xuất sắc	14.592,00	2022	TT ĐPT
1349	13	B23DCTT097	Nguyễn Thị Hà	Phương	D23CQTT01-B	3,72		3,72	92	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	TT ĐPT
1350	14	B23DCTT008	Nguyễn Thị Kim	Anh	D23CQTT02-B	3,72		3,72	84	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1351	15	B23DCTT024	Hồ Trọng	Đạt	D23CQTT03-B	3,70		3,70	93	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	TT ĐPT
1352	16	B23DCTT068	Lê Thị Khánh	Linh	D23CQTT02-B	3,69		3,69	90	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	TT ĐPT
1353	17	B23DCTT035	Lê Nguyễn Hải	Giang	D23CQTT02-B	3,58	0,1	3,68	91	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	TT ĐPT
1354	18	B23DCTT019	Nguyễn Quỳnh	Chi	D23CQTT01-B	3,66		3,66	100	X.sắc	Xuất sắc	19.380,00	2023	TT ĐPT
1355	19	B23DCTT062	Nguyễn Thị	Lan	D23CQTT02-B	3,64		3,64	89	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1356	20	B23DCTT135	Phạm Thị	Xuyến	D23CQTT03-B	3,63		3,63	85	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1357	21	B23DCTT043	Đoàn Thị Hồng	Hạnh	D23CQTT01-B	3,59		3,59	83	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1358	22	B23DCTT022	Vũ Yên	Chi	D23CQTT01-B	3,58		3,58	96	X.sắc	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1359	23	B23DCTT088	Nguyễn Thị Ánh	Nhàn	D23CQTT01-B	3,57		3,57	83	Tốt	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1360	24	B23DCTT058	Nguyễn Khánh	Huyền	D23CQTT01-B	3,45	0,1	3,55	97	X.sắc	Giỏi	17.765,00	2023	TT ĐPT
1361	25	B24DCTT010	Nguyễn Hoài	Anh	D24CQTT01-B	3,74	0,1	3,84	94	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	TT ĐPT
1362	26	B24DCTT138	Đào Dương Cẩm	Tú	D24CQTT03-B	3,63	0,1	3,73	91	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	TT ĐPT

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBKKHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
1363	27	B24DCTT084	Từ Khánh	Ly	D24CQTT03-B	3,58	0,1	3,68	80	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1364	28	B24DCTT130	Nguyễn Ngọc	Thúy	D24CQTT01-B	3,57	0,1	3,67	94	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	TT ĐPT
1365	29	B24DCTT111	Nguyễn Anh	Quân	D24CQTT03-B	3,65		3,65	86	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1366	30	B24DCTT112	Nguyễn Văn	Quốc	D24CQTT01-B	3,64		3,64	85	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1367	31	B24DCTT150	Đào Hải	Yến	D24CQTT03-B	3,60		3,60	90	X.sắc	Xuất sắc	18.768,00	2024	TT ĐPT
1368	32	B24DCTT021	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	D24CQTT03-B	3,58		3,58	93	X.sắc	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1369	33	B24DCTT033	Trần Thị Thùy	Dung	D24CQTT03-B	3,47	0,1	3,57	87	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1370	34	B24DCTT001	Nguyễn Trúc	An	D24CQTT01-B	3,57		3,57	88	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1371	35	B24DCTT069	Nguyễn Phương	Linh	D24CQTT03-B	3,57		3,57	84	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1372	36	B24DCTT090	Nguyễn Hoàng	Nam	D24CQTT03-B	3,57		3,57	81	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1373	37	B24DCTT134	Đặng Thu	Trang	D24CQTT02-B	3,45	0,1	3,55	85	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1374	38	B24DCTT066	Lê Diệu	Linh	D24CQTT03-B	3,55		3,55	85	Tốt	Giỏi	17.204,00	2024	TT ĐPT
1375	39	B25DCTT034	Hoàng Thị Hồng	Huệ	D25CQTT02-B	3,67	0,1	3,77	93	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	TT ĐPT
1376	40	B25DCTT110	Trần Thị Thu	Trang	D25CQTT02-B	3,76		3,76	95	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	TT ĐPT
1377	41	B25DCTT042	Phan Thị Mai	Hương	D25CQTT02-B	3,74		3,74	90	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	TT ĐPT
1378	42	B25DCTT061	Phạm Ngọc	My	D25CQTT01-B	3,65		3,65	85	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT
1379	43	B25DCTT036	Lê Thu	Hà	D25CQTT02-B	3,65		3,65	97	X.sắc	Xuất sắc	12.474,00	2025	TT ĐPT
1380	44	B25DCTT014	Trần Hà	Chi	D25CQTT02-B	3,63		3,63	85	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT
1381	45	B25DCTT058	Đặng Khánh	Ly	D25CQTT02-B	3,59		3,59	85	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT
<b>Truyền thông Đa phương tiện - CLC</b>														
1382	1	B25DCTE064	Trần Minh	Ngọc	D25CQTE02-B	3,69		3,69	85	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1383	2	B25DCTE074	Trần Thị Diễm	Quỳnh	D25CQTE02-B	3,58		3,58	83	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1384	3	B25DCTE035	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	D25CQTE01-B	3,56		3,56	83	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1385	4	B25DCTE086	Nguyễn Ngọc	Yến	D25CQTE02-B	3,53		3,53	81	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1386	5	B25DCTE092	Đào Tiến	Đạt	D25CQTE02-B	3,53		3,53	83	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1387	6	B25DCTE087	Đặng Hải	Yến	D25CQTE01-B	3,45		3,45	89	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1388	7	B25DCTE053	Nguyễn Tuyết	Mai	D25CQTE01-B	3,39		3,39	81	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1389	8	B25DCTE067	Phạm Quỳnh	Như	D25CQTE01-B	3,38		3,38	83	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC
1390	9	B25DCTE008	Nguyễn Ngọc	Anh	D25CQTE02-B	3,38		3,38	83	Tốt	Giỏi	22.000,00	2025	TT ĐPT-CLC

Thứ tự		Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Điểm TBCHT	Điểm thưởng	Điểm TBCHTMR	XLRL	ĐRL	Loại HBK KHT	Học bổng (1000đ)	Khóa	Ngành/Chuyên ngành
<b>Truyền thông Đa phương tiện - Tài năng</b>														
1391	1	B25DCTT010	Lê Diệp Khánh	Chi	D25CTTT01-B	3,85		3,85	87	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT-TN
1392	2	B25DCTT006	Ninh Thị Hải	Anh	D25CTTT01-B	3,72		3,72	85	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT-TN
1393	3	B25DCTT122	Hoàng Minh	Ánh	D25CTTT01-B	3,68		3,68	88	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT-TN
1394	4	B25DCTT041	Nguyễn Mai	Hương	D25CTTT01-B	3,63		3,63	83	Tốt	Giỏi	11.434,50	2025	TT ĐPT-TN
<b>Quan hệ công chúng</b>														
1395	1	B24DCQC024	Tô Lam	Giang	D24CQQC02-B	3,62		3,62	92	X.sắc	Xuất sắc	17.664,00	2024	QHCC
1396	2	B24DCQC028	Nguyễn Thị Thu	Hiền	D24CQQC02-B	3,45		3,45	82	Tốt	Giỏi	16.192,00	2024	QHCC
1397	3	B24DCQC040	Đoàn Cẩm	Ly	D24CQQC02-B	3,45		3,45	81	Tốt	Giỏi	16.192,00	2024	QHCC
1398	4	B24DCQC053	Trương Phương	Nhi	D24CQQC01-B	3,43		3,43	88	Tốt	Giỏi	16.192,00	2024	QHCC
1399	5	B24DCQC041	Đoàn Khánh	Ly	D24CQQC01-B	3,33		3,33	84	Tốt	Giỏi	16.192,00	2024	QHCC
1400	6	B24DCQC038	Phạm Khánh	Linh	D24CQQC02-B	3,33		3,33	89	Tốt	Giỏi	16.192,00	2024	QHCC
1401	7	B24DCQC007	Phạm Thị Mai	Anh	D24CQQC01-B	3,29		3,29	81	Tốt	Giỏi	16.192,00	2024	QHCC
1402	8	B25DCQC034	Phan Thị Thanh	Hường	D25CQQC02-B	3,79		3,79	88	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1403	9	B25DCQC071	Trịnh Quỳnh	Như	D25CQQC01-B	3,69		3,69	86	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1404	10	B25DCQC095	Hoàng Tú	Uyên	D25CQQC01-B	3,56		3,56	87	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1405	11	B25DCQC087	Cao Trần Linh	Trang	D25CQQC01-B	3,51		3,51	81	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1406	12	B25DCQC009	Trịnh Minh	Anh	D25CQQC01-B	3,50		3,50	84	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1407	13	B25DCQC099	Tô Hồng	Việt	D25CQQC01-B	3,50		3,50	89	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1408	14	B25DCQC076	Nguyễn Minh	Phụng	D25CQQC02-B	3,46		3,46	84	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1409	15	B25DCQC002	Bùi Thị Châu	Anh	D25CQQC02-B	3,35	0,1	3,45	90	X.sắc	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC
1410	16	B25DCQC083	Trần Thị Minh	Thư	D25CQQC01-B	3,39		3,39	89	Tốt	Giỏi	14.553,00	2025	QHCC